

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2024/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2024

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu
và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia**

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu,

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và các mẫu hồ sơ đấu thầu, gồm:

1. Mẫu lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án, dự toán mua sắm theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Luật Đấu thầu;

2. Mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, hàng hoá (trừ thuốc), xây lắp thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu được tổ chức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh trong nước theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, một giai đoạn hai túi hồ sơ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân liên quan đến việc lựa chọn nhà thầu thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Thông tư này nhưng chọn áp dụng quy định của Thông tư này. Trong trường hợp này, quy trình thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng* trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia* (sau đây gọi là Hệ thống) là hệ thống công nghệ thông tin do Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và quản lý theo quy định tại khoản 18 Điều 4 của Luật Đấu thầu có địa chỉ tại <https://muasamcong.mpi.gov.vn>.

2. *Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp* là hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn về đăng ký doanh nghiệp được quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.

3. Các từ ngữ viết tắt tại Thông tư này và trên Hệ thống bao gồm:

a) *E-TBMST* là thông báo mời sơ tuyển qua mạng;

b) *E-TBMQT* là thông báo mời quan tâm qua mạng;

- c) *E-TBMT* là thông báo mời thầu qua mạng;
- d) *E-HSMQT* là hồ sơ mời quan tâm qua mạng;
- đ) *E-HSQT* là hồ sơ quan tâm qua mạng;
- e) *E-HSMST* là hồ sơ mời sơ tuyển qua mạng;
- g) *E-HSDST* là hồ sơ dự sơ tuyển qua mạng;
- h) *E-HSMT* là hồ sơ mời thầu đối với đấu thầu rộng rãi qua mạng, đấu thầu hạn chế qua mạng, chào hàng cạnh tranh qua mạng;
- i) *E-HSDT* là hồ sơ dự thầu đối với đấu thầu rộng rãi qua mạng, đấu thầu hạn chế qua mạng, chào hàng cạnh tranh qua mạng;
- k) *E-HSDXKT* là hồ sơ đề xuất về kỹ thuật qua mạng;
- l) *E-HSDXTC* là hồ sơ đề xuất về tài chính qua mạng.

4. *Văn bản điện tử* là văn bản, thông tin được gửi, nhận và lưu trữ thành công trên Hệ thống, bao gồm:

- a) Thông tin về dự án;
- b) Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu; kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- c) *E-TBMQT*, *E-TBMST*, *E-TBMT*, thông báo mời thầu, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời quan tâm;
- d) Danh sách ngắn;
- đ) *E-HSMQT*, *E-HSQT*, *E-HSMST*, *E-HSDST*, *E-HSMT*, *E-HSDT*, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu; nội dung làm rõ *E-HSMST*, *E-HSMQT*, *E-HSQT*, *E-HSDST*, *E-HSMT*, *E-HSDT*, *E-HSDXKT*, *E-HSDXTC*, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu;
- e) Thỏa thuận liên danh;
- g) Biên bản mở thầu, biên bản mở *E-HSDXKT*, biên bản mở *E-HSDXTC*;
- h) Báo cáo đánh giá *E-HSQT*, *E-HSDST*, *E-HSDT*;
- i) Kết quả lựa chọn nhà thầu;

k) Nội dung kiến nghị kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu qua mạng;

l) Văn bản dưới dạng điện tử khác được trao đổi trên Hệ thống.

5. *Thông tin không hợp lệ* là thông tin do đối tượng quy định tại Điều 2 của Thông tư này đăng tải trên Hệ thống không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

6. *Chứng thư số sử dụng trên Hệ thống* là chứng thư số công cộng do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp hoặc chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cấp.

7. *Hướng dẫn sử dụng* là tài liệu điện tử được đăng tải trên Hệ thống để hướng dẫn người dùng thực hiện các giao dịch trên Hệ thống.

8. *Tổ chức tham gia Hệ thống* là các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia Hệ thống với một hoặc một số vai trò như sau:

a) Chủ đầu tư;

b) Bên mời thầu;

c) Nhà thầu (cá nhân, nhóm cá nhân tham gia gói thầu tư vấn cá nhân; cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo tham gia gói thầu mua sắm hàng hóa; tổ chức; hộ kinh doanh);

d) Đơn vị quản lý về đấu thầu;

đ) Cơ sở đào tạo về đấu thầu;

e) Khối nhà sản xuất (nhà sản xuất, văn phòng đại diện, đại lý của nhà sản xuất) đăng ký tham gia Hệ thống để phản hồi về thông tin mà nhà thầu phản ánh.

9. *Tài khoản tham gia Hệ thống* là tài khoản do Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia cấp cho Tổ chức tham gia Hệ thống để thực hiện một hoặc một số vai trò quy định tại khoản 8 Điều này.

10. *Tài khoản nghiệp vụ* là tài khoản được tạo bởi Tài khoản tham gia Hệ thống để thực hiện các nghiệp vụ trên Hệ thống.

11. *Doanh nghiệp dự án e-GP* là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia do Nhà đầu tư (Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT) thành lập theo quy định tại Hợp đồng BOT Dự án e-GP. Doanh nghiệp dự án e-GP và Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia (sau đây gọi là Trung tâm) thực hiện trách nhiệm của tổ chức vận hành Hệ thống quy định tại Điều 52 của Luật Đấu thầu.

12. *Hợp đồng BOT dự án e-GP* là hợp đồng được ký kết giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư với Nhà đầu tư (Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT) để đầu tư, thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì, nâng cấp và chuyển giao Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo hình thức đối tác công tư.

Điều 4. Áp dụng các Mẫu hồ sơ và Phụ lục

1. Mẫu lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu gồm:

- a) Mẫu số 01A được sử dụng để lập Tờ trình kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu;
- b) Mẫu số 01B được sử dụng để lập Báo cáo thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu;
- c) Mẫu số 01C được sử dụng để lập Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

Trường hợp cần điều chỉnh một số nội dung thuộc kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt thì chỉ lập, trình, thẩm định, phê duyệt đối với các nội dung có sự thay đổi, điều chỉnh.

2. Mẫu lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gồm:

- a) Mẫu số 02A được sử dụng để lập Tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- b) Mẫu số 02B được sử dụng để lập Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- c) Mẫu số 02C được sử dụng để lập Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Trường hợp cần điều chỉnh một số nội dung thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt thì chỉ lập, trình, thẩm định, phê duyệt đối với các nội dung có

sự thay đổi, điều chỉnh. Đối với phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, khi đủ điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì chỉ lập, trình, thẩm định, phê duyệt cho phần công việc này mà không phải lập, trình, thẩm định, phê duyệt lại cho phần công việc đã được phê duyệt trước đó. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng có thay đổi về thời gian thực hiện gói thầu so với kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt thì không phải điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

3. Đối với gói thầu xây lắp:

a) Mẫu số 3A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 3B được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Mẫu số 3C được sử dụng để lập E-HSMST.

4. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa (bao gồm cả trường hợp mua sắm tập trung):

a) Mẫu số 4A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 4B được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Mẫu số 4C được sử dụng để lập E-HSMST.

5. Đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn:

a) Mẫu số 5A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 5B được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Mẫu số 5C được sử dụng để lập E-HSMST.

6. Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn:

a) Mẫu số 6A được sử dụng để lập E-HSMT áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

b) Mẫu số 6B được sử dụng để lập E-HSMQT;

c) Mẫu số 6C được sử dụng để lập các biểu mẫu dành cho tư vấn cá nhân.

7. Đối với Mẫu báo cáo đánh giá:

a) Mẫu số 7A được sử dụng để lập báo cáo đánh giá E-HSĐT theo quy trình 01 quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Thông tư này cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 7B được sử dụng để lập báo cáo đánh giá E-HSĐT theo quy trình 02 quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 của Thông tư này cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

c) Mẫu số 7C được sử dụng để lập báo cáo đánh giá E-HSĐT cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

d) Mẫu số 7D được sử dụng để lập báo cáo đánh giá E-HSĐT cho gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

8. Phụ lục:

a) Phụ lục 1A: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá E-HSĐXKT (đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ);

b) Phụ lục 1B: Mẫu Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ);

c) Phụ lục 2A: Mẫu Kết quả đối chiếu tài liệu (đối với tất cả các gói thầu);

d) Phụ lục 2B: Mẫu Biên bản thương thảo hợp đồng (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, phi tư vấn áp dụng thương thảo hợp đồng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 43 của Luật Đấu thầu);

đ) Phụ lục 2C: Mẫu Biên bản thương thảo hợp đồng (đối với gói thầu dịch vụ tư vấn);

- e) Phụ lục 3A: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- g) Phụ lục 3B: Mẫu Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- h) Phụ lục 4: Mẫu Bản cam kết;
- i) Phụ lục 5: Phiếu đăng ký thông tin văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu;
- j) Phụ lục 6: Phiếu thông báo thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại Việt Nam;
- k) Phụ lục 7: Phiếu thông báo thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu;
- l) Phụ lục 8: Một số hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

9. Việc lựa chọn nhà thầu thuộc dự án có sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (sau đây gọi là điều ước quốc tế), thỏa thuận vay nước ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Luật Đấu thầu. Vai trò của tổ chức, cá nhân trình, thẩm định và phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo Luật Đấu thầu và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện Luật này; nội dung kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT thực hiện theo quy định tại điều ước quốc tế, thỏa thuận vay. Trường hợp điều ước quốc tế, thỏa thuận vay yêu cầu áp dụng quy định của nhà tài trợ thì nếu được nhà tài trợ chấp thuận, việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, E-HSMT, E-HSMQT, E-HSMST, báo cáo đánh giá E-HSDT, E-HSQT, E-HSDST được áp dụng các Mẫu quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này.

Thông tin về đấu thầu đối với gói thầu thuộc dự án quy định tại khoản này được khuyến khích đăng tải trên mục "vốn khác" của Hệ thống.

10. Đối với dự án, gói thầu có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước thì không phải cung cấp, đăng

tải thông tin bí mật đó theo quy định của Thông tư này. Việc quản lý thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 5. Quy định về định dạng của tệp tin (file) đính kèm

1. Tệp tin (file) đăng tải trên Hệ thống phải bảo đảm:

a) Các file mở, đọc được bằng các phần mềm thông dụng như: các phần mềm đọc, soạn thảo văn bản MS Office hoặc Open Office; các phần mềm đọc file PDF; các phần mềm thiết kế thông dụng như AutoCad, Photoshop; phần mềm đọc file ảnh tích hợp sẵn trên Hệ điều hành Windows. Các file sử dụng phông chữ thuộc bảng mã Unicode;

b) Các file nén mở được bằng các phần mềm giải nén thông dụng như phần mềm giải nén ZIP tích hợp sẵn trên hệ điều hành Windows hoặc phần mềm giải nén Rar hoặc 7Zip. Trường hợp sử dụng file nén, các file sau khi giải nén phải có định dạng quy định tại điểm a khoản này;

c) Không bị nhiễm virus, không bị lỗi, hỏng và không thiết lập mật khẩu.

2. Trường hợp file đính kèm trong hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMST, hồ sơ mời thầu, E-HSMT không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này hoặc vì lý do khác dẫn đến không thể mở hoặc không đọc được thì bên mời thầu phải đăng tải và phát hành lại toàn bộ hồ sơ mời quan tâm, E-HSMQT, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMST, hồ sơ mời thầu, E-HSMT.

3. Trường hợp file đính kèm trong E-HSDT, E-HSQT, E-HSDST không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này dẫn đến không thể mở hoặc không đọc được thì các file này không được xem xét, đánh giá.

Điều 6. Xử lý kỹ thuật trong trường hợp Hệ thống gặp sự cố ngoài khả năng kiểm soát

1. Trường hợp gặp sự cố dẫn đến Hệ thống không thể vận hành thì các gói thầu lựa chọn nhà thầu qua mạng có thời điểm đóng thầu, thời điểm hết hạn làm rõ E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT trong thời gian từ khi Hệ thống bị sự cố cho đến

thời điểm sau hoàn thành khắc phục sự cố 02 giờ sẽ được Hệ thống tự động gia hạn đến thời điểm đóng thầu mới, thời điểm hết hạn làm rõ E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT mới là sau 06 giờ kể từ thời điểm hoàn thành khắc phục sự cố.

2. Trường hợp thời điểm đóng thầu mới và thời điểm hết hạn làm rõ E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT mới theo quy định tại khoản 1 Điều này sau 17 giờ 00 phút và trước 11 giờ 00 phút ngày tiếp theo thì Hệ thống tự động gia hạn đến 11 giờ 00 phút của ngày tiếp theo.

3. Trường hợp Hệ thống tự động gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì việc đánh giá E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT được thực hiện trên cơ sở thời điểm đóng thầu nêu trong E-TBMQT, E-TBMST, E-TBMT trước thời điểm Hệ thống gặp sự cố.

Điều 7. Quản lý tài khoản và sử dụng chứng thư số

1. Tạo lập tài khoản nghiệp vụ:

Tài khoản tham gia Hệ thống tạo, phân quyền cho Tài khoản nghiệp vụ tương ứng với các vai trò của Tổ chức tham gia Hệ thống được quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 8 Điều 3 của Thông tư này; khóa, mở khóa; thiết lập lại mật khẩu, hình thức xác thực, thiết bị xác thực đăng nhập cho Tài khoản nghiệp vụ.

2. Sử dụng chứng thư số trên Hệ thống:

a) Tổ chức, cá nhân được cấp chứng thư số khi tham gia Hệ thống phải đăng ký sử dụng chứng thư số theo *Hướng dẫn sử dụng*. Chứng thư số sử dụng trên Hệ thống là chứng thư số được cấp cho tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 8 Điều 3 của Thông tư này;

b) Chứng thư số được sử dụng để tạo chữ ký số và xác thực tổ chức, cá nhân;

c) Việc đăng ký sử dụng, thay đổi, hủy thông tin chứng thư số của Tổ chức, cá nhân tham gia Hệ thống thực hiện trên Hệ thống theo *Hướng dẫn sử dụng*;

d) Tổ chức, cá nhân tham gia Hệ thống có trách nhiệm đảm bảo tính chính xác của chứng thư số sử dụng trên Hệ thống.

Điều 8. Gửi, nhận văn bản điện tử trên Hệ thống

1. Văn bản điện tử quy định tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư này có giá trị pháp lý, làm cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực thông tin phục vụ công tác đánh giá, thẩm định, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và giải ngân theo quy định của pháp luật.

2. Thời điểm gửi, nhận văn bản điện tử được xác định căn cứ theo thời gian thực ghi lại trên Hệ thống. Văn bản điện tử đã gửi thành công được lưu trữ trên Hệ thống.

3. Khi người sử dụng gửi văn bản điện tử trên Hệ thống, Hệ thống phải phản hồi cho người sử dụng về việc gửi thành công hoặc không thành công.

4. Tổ chức tham gia Hệ thống đăng ký thành công trên Hệ thống được quyền truy xuất tình trạng văn bản điện tử của mình và các thông tin khác trên Hệ thống. Thông tin về lịch sử giao dịch được sử dụng để giải quyết tranh chấp (nếu có) về việc gửi, nhận văn bản điện tử trên Hệ thống.

5. Tổ chức, cá nhân thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và giải ngân không được yêu cầu cung cấp văn bản giấy khi việc tra cứu, truy xuất văn bản điện tử tương ứng có thể thực hiện được trên Hệ thống, trừ trường hợp cần kiểm tra, xác nhận bằng văn bản gốc.

Điều 9. Điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin

Tổ chức, cá nhân tham gia Hệ thống phải đáp ứng yêu cầu về hạ tầng công nghệ thông tin quy định tại khoản 14 Điều 78, khoản 3 Điều 79 và điểm a khoản 3 Điều 82 của Luật Đấu thầu và được hướng dẫn chi tiết tại *Hướng dẫn sử dụng*.

Chương II**CUNG CẤP, ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

Điều 10. Cung cấp thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về nhà thầu, chất lượng hàng hóa đã được sử dụng

1. Thông tin về tình trạng pháp lý của nhà thầu

Hệ thống trích xuất thông tin về tình trạng pháp lý, báo cáo tài chính và các thông tin khác của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh lưu trữ tại Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký hộ kinh doanh. Đối với các nhà thầu chưa đăng ký trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký hộ kinh doanh, nhà thầu cung cấp thông tin khi đăng ký tham gia Hệ thống.

2. Thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu

a) Thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây gọi là Nghị định số 24/2024/NĐ-CP). Trường hợp nhà thầu có các chứng chỉ theo quy định của pháp luật thì kê khai trên Hệ thống.

b) Nhà thầu chủ động cập nhật thông tin về năng lực, kinh nghiệm của mình theo quy định tại điểm a khoản này trên Hệ thống và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với các thông tin đã kê khai trên Hệ thống. Trường hợp nhà thầu tự thực hiện việc chỉnh sửa trên Hệ thống, Hệ thống sẽ lưu lại toàn bộ các thông tin trước và sau khi nhà thầu thực hiện chỉnh sửa. Thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu được xác thực bằng chữ ký số của nhà thầu.

c) Nhà thầu phải đính kèm các văn bản, tài liệu để chứng minh tính xác thực về năng lực, kinh nghiệm, tài liệu đính kèm được lưu trữ và quản lý trên Hệ thống.

d) Trường hợp nhà thầu kê khai không trung thực nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào thì bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu.

đ) Đối với nội dung thông tin về số liệu về báo cáo tài chính, trường hợp số liệu về báo cáo tài chính trên Hệ thống đã được cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu không phải kê khai số liệu về báo cáo tài chính. Đối với số liệu báo cáo tài chính từ năm 2021

trở đi, trường hợp nhà thầu phát hiện Hệ thống chưa cập nhật số liệu so với Hệ thống thuế điện tử thì nhà thầu sửa đổi cho phù hợp với số liệu đã báo cáo với cơ quan thuế, Hệ thống sẽ lưu lại các phiên bản sửa đổi thông tin của nhà thầu.

3. Chủ đầu tư cung cấp thông tin về uy tín của nhà thầu trong việc tham dự thầu theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

4. Chủ đầu tư hoặc đơn vị có nhu cầu mua sắm trong mua sắm tập trung có trách nhiệm cung cấp thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

5. Chủ đầu tư hoặc đơn vị có nhu cầu mua sắm trong mua sắm tập trung có trách nhiệm cung cấp thông tin về chất lượng hàng hóa đã được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

6. Chủ đầu tư cung cấp thông tin về xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu thầu.

Điều 11. Thông tin chủ yếu của hợp đồng

1. Thông tin chủ yếu của hợp đồng gồm: số hiệu hợp đồng, chủ thể hợp đồng, giá hợp đồng, loại hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu theo quy định tại khoản 7 Điều 39 của Luật Đấu thầu, thời gian thực hiện hợp đồng (là số ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng), thời điểm hợp đồng bắt đầu có hiệu lực, danh sách nhà thầu phụ (nếu có), phạm vi công việc của hợp đồng, các thông tin khác (nếu có).

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thông tin chủ yếu của hợp đồng chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu.

Điều 12. Thông tin về dự án, kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Thời gian đăng tải:

Thông tin về kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu được chủ đầu tư đăng tải trên Hệ thống theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu và khoản 6 Điều 14 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

2. Khi đăng tải kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư đính kèm các tài liệu là căn cứ lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thông tin cơ bản về dự án được đăng tải đồng thời với kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

3. Trường hợp gói thầu có dự toán được duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì dự toán được duyệt phải được đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 05 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

4. Tài liệu đính kèm:

Chủ đầu tư phải đính kèm quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong quá trình đăng tải kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Điều 13. Thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, E-TBMQT, E-TBMST

Bên mời thầu đăng tải thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, E-TBMQT, E-TBMST trên Hệ thống theo tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu và phù hợp với thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Việc sửa đổi, hủy thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, E-TBMQT, E-TBMST chỉ được thực hiện trước thời điểm đóng thầu, trừ trường hợp không có nhà thầu nộp hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, E-HSQT, E-HSDST.

Điều 14. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST

1. Phát hành:

a) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi đăng tải thành công thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời quan tâm, E-TBMQT, E-TBMST. Trong quá trình đăng tải thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời quan tâm, E-TBMQT, E-TBMST, bên mời

thầu phải đính kèm quyết định phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST đã được phê duyệt.

Chủ đầu tư, bên mời thầu không được phát hành bản giấy hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển cho nhà thầu. Trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu phát hành bản giấy cho nhà thầu thì bản giấy không có giá trị pháp lý để lập, đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển.

b) Trường hợp nội dung của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST được đăng tải trên Hệ thống có sự sai khác với nội dung của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST được phê duyệt thì hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST phát hành trên Hệ thống là cơ sở để lập, đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, E-HSQT, E-HSDST.

2. Sửa đổi:

a) Đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng, trường hợp sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải các tài liệu theo một trong hai cách sau đây trên Hệ thống: Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển; hoặc quyết định sửa đổi và hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển đã được sửa đổi, trong hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển đã được sửa đổi phải thể hiện rõ nội dung sửa đổi.

b) Đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng, trường hợp sửa đổi E-HSMQT, E-HSMST sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải các tài liệu sau đây trên Hệ thống: Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi E-HSMQT, E-HSMST; E-HSMQT, E-HSMST đã được sửa đổi.

3. Làm rõ:

a) Trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST, nhà thầu gửi đề nghị làm rõ đến bên mời thầu thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu;

b) Bên mời thầu đăng tải văn bản làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu;

c) Nội dung làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST không được trái với nội dung của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST đã được phê duyệt. Trường hợp việc tiếp nhận nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST thì việc sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, E-HSMQT, E-HSMST thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 15. Danh sách ngắn

1. Thời gian đăng tải:

Bên mời thầu đăng tải danh sách ngắn trên Hệ thống trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày danh sách ngắn được phê duyệt.

2. Tài liệu đính kèm:

Bên mời thầu đính kèm quyết định phê duyệt danh sách ngắn trong quá trình đăng tải danh sách ngắn.

Điều 16. Thông báo mời thầu, E-TBMT

Bên mời thầu đăng tải thông báo mời thầu, E-TBMT trên Hệ thống theo tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu và phù hợp với thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Việc sửa đổi, hủy thông báo mời thầu, E-TBMT chỉ được thực hiện trước thời điểm đóng thầu, trừ trường hợp không có nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, E-HSDT.

Điều 17. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu, E-HSMT

1. Phát hành:

a) Trong quá trình đăng tải thông báo mời thầu, E-TBMT, bên mời thầu phải đính kèm các tài liệu: Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu, E-HSMT; hồ sơ mời thầu, E-HSMT đã được phê duyệt; điều khoản tham chiếu đã được phê duyệt;

Đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng, hồ sơ mời thầu được phát hành trên Hệ thống ngay sau khi đăng tải thành công thông báo mời thầu. Bên mời thầu không được phát hành hồ sơ mời thầu bản giấy cho nhà thầu, trường hợp bên mời thầu phát hành bản giấy cho nhà thầu thì bản giấy không có giá trị pháp lý để lập, đánh giá hồ sơ dự thầu.

b) Trường hợp nội dung của hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu được đăng tải trên Hệ thống có sự sai khác với nội dung của hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu được phê duyệt thì hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu phát hành trên Hệ thống là cơ sở để lập, đánh giá hồ sơ dự thầu, E-HSDT, hồ sơ lý lịch khoa học.

2. Sửa đổi:

a) Đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng, trường hợp sửa đổi hồ sơ mời thầu sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải các tài liệu theo một trong hai cách sau đây trên Hệ thống: quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời thầu; hoặc quyết định sửa đổi và hồ sơ mời thầu đã được sửa đổi, trong hồ sơ mời thầu đã được sửa đổi phải thể hiện rõ nội dung sửa đổi.

b) Đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng, trường hợp sửa đổi E-HSMT, điều khoản tham chiếu sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải các tài liệu sau đây trên Hệ thống: quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi E-HSMT, điều khoản tham chiếu; E-HSMT, điều khoản tham chiếu đã được sửa đổi.

3. Làm rõ:

a) Đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng, trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời thầu, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến bên mời thầu thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc (đối với đấu thầu trong nước), tối thiểu 05 ngày làm việc (đối với đấu thầu quốc tế) trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý.

Đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng, trường hợp cần làm rõ E-HSMT, điều khoản tham chiếu, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến bên mời thầu thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý.

b) Bên mời thầu tiếp nhận nội dung yêu cầu làm rõ của nhà thầu và đăng tải văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu;

c) Nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu không được trái với nội dung của hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu đã được phê duyệt. Trường hợp việc tiếp nhận nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu thì việc sửa đổi hồ sơ mời thầu, E-HSMT, điều khoản tham chiếu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Trong trường hợp cần thiết, bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong hồ sơ mời thầu, E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được bên mời thầu ghi lại thành biên bản và đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.

Điều 18. Hủy, gia hạn, sửa đổi thông tin đã đăng tải

Việc hủy, gia hạn, sửa đổi thông tin đã đăng tải được thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

Điều 19. Kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Thời gian đăng tải:

Chủ đầu tư đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

2. Tài liệu đính kèm bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

b) Báo cáo đánh giá E-HSMT đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng (đăng tải báo cáo đánh giá tổng hợp, không kèm theo các phiếu chấm của thành viên trong tổ chuyên gia);

c) Trường hợp giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt điều chỉnh theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì chủ đầu tư phải đăng tải quyết định điều chỉnh giá gói thầu trên Hệ thống trước thời điểm hết hạn chào lại giá dự thầu.

3. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa phải công khai chi tiết thông tin về các hạng mục hàng hóa trúng thầu bao gồm các nội dung sau:

- a) Danh mục hàng hóa;
- b) Ký mã hiệu;
- c) Nhãn hiệu;
- d) Năm sản xuất;
- đ) Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ);
- e) Hãng sản xuất;
- g) Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản;
- h) Đơn vị tính;
- i) Khối lượng;
- k) Mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS) (nếu có);
- l) Đơn giá trúng thầu.

Điều 20. Các thông tin khác đăng tải trên Hệ thống và quy trình đăng tải trên Hệ thống

1. Ngoài các thông tin được đăng tải trên Hệ thống theo quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 19 của Thông tư này, các thông tin khác được đăng tải và thực hiện trên Hệ thống gồm:

- a) Biên bản mở thầu đối với đấu thầu không qua mạng được đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở thầu;
- b) Quyết định hủy thầu được đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định;

c) Văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư, người có thẩm quyền được đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản giải quyết kiến nghị;

d) Danh sách nhà thầu đáp ứng về kỹ thuật đối với đấu thầu không qua mạng được đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt;

đ) Đối với phương thức đấu thầu hai giai đoạn, danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn một và danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật giai đoạn hai phải được đăng tải trên Hệ thống chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt;

e) Danh sách nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại Việt Nam được đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hợp đồng ký kết với nhà thầu nước ngoài có hiệu lực.

2. Quy trình đăng tải thông tin tại các Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 19 và khoản 1 Điều này được thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

Điều 21. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 78 của Luật Đấu thầu.

2. Đăng tải thông tin quy định tại các điểm a, g, h, i và k khoản 1 Điều 7 của Luật Đấu thầu. Trường hợp thuê tư vấn đấu thầu để làm bên mời thầu thì chủ đầu tư vẫn phải chịu trách nhiệm đăng tải các thông tin này.

3. Đăng tải trên Hệ thống thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại Việt Nam theo Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này; việc đăng tải thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*. Thông tin được gửi đồng thời đến Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của các thông tin đã đăng ký, đăng tải trên Hệ thống khi đăng nhập bằng Tài khoản tham gia Hệ thống của mình.

5. Kiểm tra và xác nhận việc đăng tải các thông tin của mình trên Hệ thống.

6. Quản lý và chịu trách nhiệm trong việc phân quyền cho các Tài khoản nghiệp vụ tương ứng với vai trò của mình; quản lý việc sử dụng chứng thư số trên Hệ thống.

Điều 22. Trách nhiệm của bên mời thầu

1. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 79 của Luật Đấu thầu.

2. Đăng tải thông tin quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 7 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, bên mời thầu phải đăng tải các thông tin quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 7 của Luật Đấu thầu bằng tiếng Việt và tiếng Anh; đối với thông tin quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 7 của Luật Đấu thầu, bên mời thầu đăng tải bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh.

3. Chịu trách nhiệm về tính thống nhất của tài liệu đăng tải trên Hệ thống với tài liệu đã được phê duyệt. Trường hợp có sự sai khác giữa tài liệu được đăng tải trên Hệ thống với tài liệu đã được phê duyệt thì tài liệu đăng tải trên Hệ thống là cơ sở pháp lý để thực hiện.

4. Theo dõi, cập nhật các thông tin đã đăng tải trên Hệ thống và các thông tin mà Hệ thống phản hồi.

5. Quản lý và chịu trách nhiệm trong việc phân quyền cho các Tài khoản nghiệp vụ tương ứng với vai trò của mình; quản lý việc sử dụng chứng thư số trên Hệ thống.

Điều 23. Trách nhiệm của Trung tâm và Doanh nghiệp dự án e-GP

1. Trung tâm có trách nhiệm:

a) Quản lý, giám sát vận hành Hệ thống, đảm bảo Hệ thống hoạt động ổn định, liên tục, an toàn, bảo mật;

b) Xây dựng tài liệu *Hướng dẫn sử dụng*; hỗ trợ tổ chức tham gia Hệ thống trong quá trình đăng ký, cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà thầu qua mạng;

c) Cung cấp các dịch vụ tuyên truyền, đào tạo, hướng dẫn tổ chức tham gia Hệ thống và triển khai các dịch vụ liên quan đến thông tin về đấu thầu, lựa chọn nhà thầu qua mạng;

d) Phối hợp với Doanh nghiệp dự án e-GP thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 52 của Luật Đấu thầu.

2. Doanh nghiệp dự án e-GP thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 52 của Luật Đấu thầu.

Chương III

NỘI DUNG MẪU HỒ SƠ ĐẤU THẦU

Điều 24. Lập, trình, thẩm định, phê duyệt E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT

1. Tổ chuyên gia lập E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT trên Hệ thống. Sau khi tổ chuyên gia lập E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT, bên mời thầu trình chủ đầu tư để chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT.

2. E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT phải bao gồm đầy đủ các thông tin cần thiết để làm cơ sở cho nhà thầu chuẩn bị E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT. Trường hợp bên mời thầu đăng tải E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT không đầy đủ thông tin (thiếu thiết kế, bản vẽ và các tài liệu khác) hoặc thông tin không rõ ràng, gây khó khăn cho nhà thầu trong việc chuẩn bị E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT thì E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT này không hợp lệ; chủ đầu tư, bên mời thầu phải sửa đổi, bổ sung E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT cho phù hợp và tiến hành đăng tải lại E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT. Việc sửa đổi E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 và khoản 2 Điều 17 của Thông tư này.

3. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn, bảng dữ liệu, tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ, yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm trong E-HSMST, E-HSMT được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống. Chủ đầu tư, bên mời thầu không được đính kèm các file yêu cầu khác về bảng dữ liệu, tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ, yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm trong E-HSMST, E-HSMT. Bảng dữ liệu, tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ, yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm không phải là bản được số hóa dưới dạng webform sẽ không được coi là một phần của E-HSMST, E-HSMT và nhà thầu không phải đáp ứng các yêu cầu này.

4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, mời quan tâm, nếu năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT có sự thay đổi so với khi tham dự sơ tuyển, quan tâm thì nhà thầu phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.

5. Trường hợp E-HSMT có các nội dung dẫn đến hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu nêu tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này thì bên mời thầu, tổ chuyên gia không được loại bỏ E-HSDT không đáp ứng các nội dung này, các nội dung này bị coi là vô hiệu theo quy định tại khoản 4 Điều 44 của Luật Đấu thầu, không phải là căn cứ để đánh giá E-HSDT.

6. Trường hợp thuê tư vấn để thực hiện vai trò của bên mời thầu, tổ chuyên gia để đăng tải thông tin, lập E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT, đánh giá E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT, đơn vị được thuê thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

Điều 25. Trách nhiệm của nhà thầu trong quá trình tham dự thầu

1. Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai trên webform và file tài liệu đính kèm trong quá trình tham dự thầu. Nhà thầu nhập thông tin theo yêu cầu của E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT và đính kèm các file tài liệu để tạo thành bộ E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT như sau:

a) Thông tin về tính hợp lệ của E-HSDT:

Đối với nội dung về bảo đảm dự thầu, nhà thầu kê khai thông tin và đính kèm bản scan bảo đảm dự thầu. Trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu do tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành, lưu trữ trên Hệ thống vào E-HSDT. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy;

Đối với các nội dung còn lại, nhà thầu chỉ kê khai thông tin trên webform mà không cần đính kèm bản scan các văn bản, tài liệu liên quan.

b) Thông tin về năng lực, kinh nghiệm:

Đối với hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất: nhà thầu kê khai và đính kèm file tài liệu liên quan để chứng minh thông tin đã kê khai;

Đối với yêu cầu về nguồn lực tài chính: nhà thầu kê khai thông tin; trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng để chứng minh nguồn lực tài chính, ngoài việc kê khai thông tin, nhà thầu phải đính kèm bản scan cam kết cung cấp tín dụng;

Đối với doanh thu hằng năm, giá trị tài sản ròng: kể từ năm 2021, Hệ thống tự động trích xuất số liệu về báo cáo tài chính từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử vào hồ sơ năng lực của nhà thầu;

Đối với các nội dung khác: nhà thầu kê khai trên webform mà không cần đính kèm bản scan các văn bản, tài liệu liên quan;

Đối với số liệu về báo cáo tài chính kể từ năm 2021, trường hợp nhà thầu phát hiện Hệ thống chưa cập nhật số liệu so với Hệ thống thuế điện tử của các năm từ năm 2021 thì nhà thầu sửa đổi thông tin cho phù hợp với số liệu đã báo cáo với cơ quan thuế; trường hợp số liệu mà nhà thầu cập nhật, sửa đổi trên Hệ thống không thống nhất với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị coi là gian lận, vi phạm khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu.

2. Nhà thầu có trách nhiệm nghiên cứu E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT đối với các gói thầu mà nhà thầu quan tâm để chuẩn bị E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT cho phù hợp với yêu cầu của E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT. Trường hợp phát hiện E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT có các nội dung không rõ ràng, gây khó khăn cho nhà thầu trong việc chuẩn bị E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT thì nhà thầu phải yêu cầu bên mời thầu làm rõ E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT để chủ đầu tư, bên mời thầu sửa đổi, bổ sung các tài liệu này cho phù hợp.

3. Nhà thầu có trách nhiệm theo dõi, cập nhật các thông tin trên Hệ thống đối với gói thầu mà nhà thầu quan tâm hoặc tham dự. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong

quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi về E-HSMQT, E-HSMST, E-HSMT, thời gian nộp E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT, thời gian làm rõ E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

4. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho giám đốc chi nhánh, giám đốc công ty con hạch toán phụ thuộc, giám đốc xí nghiệp và người đứng đầu đơn vị hạch toán phụ thuộc khác để thực hiện các công việc trong quá trình tham dự thầu thì việc tham dự thầu trên Hệ thống phải được thực hiện bằng tài khoản tham gia Hệ thống của nhà thầu mà không được sử dụng tài khoản tham gia Hệ thống của chi nhánh, công ty con, xí nghiệp, đơn vị hạch toán phụ thuộc khác. Trường hợp sử dụng tài khoản tham gia Hệ thống của chi nhánh hoặc các đơn vị phụ thuộc (hạch toán phụ thuộc) thì nhà thầu sẽ bị coi là không đáp ứng về tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

5. Thực hiện các trách nhiệm khác bao gồm:

- a) Đăng ký tham gia Hệ thống để bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu;
- b) Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 82 của Luật Đấu thầu;
- c) Quản lý tài khoản tham gia Hệ thống, chứng thư số đăng ký trên Hệ thống.

Điều 26. Nội dung về hàng mẫu

E-HSMT không được đưa ra yêu cầu về hàng mẫu; trường hợp cần yêu cầu về hàng mẫu để đánh giá về kỹ thuật thì chủ đầu tư phải trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định. Tờ trình phải nêu rõ lý do yêu cầu về hàng mẫu. Chủ đầu tư, bên mời thầu phải bảo đảm việc yêu cầu cung cấp hàng mẫu không dẫn đến làm tăng chi phí của gói thầu, hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu cung cấp hàng mẫu, nhà thầu có thể nộp bổ sung hàng mẫu trong thời hạn 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu.

Điều 27. Mở thầu đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng

1. Đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ:

Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu.

2. Đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ:

a) Bên mời thầu phải tiến hành mở E-HSĐXKT và công khai biên bản mở E-HSĐXKT trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu;

b) Sau khi có quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, bên mời thầu đăng tải danh sách này trên Hệ thống và đính kèm bản chụp (scan) văn bản phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trên Hệ thống. Sau khi đăng tải thành công, Hệ thống gửi thông báo đến các nhà thầu tham dự gói thầu;

c) Sau khi đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, bên mời thầu mở E-HSĐXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và công khai biên bản mở E-HSĐXTC trên Hệ thống.

Điều 28. Đánh giá E-HSDT

1. Quy trình đánh giá E-HSDT:

a) Quy trình 01 áp dụng cho tất cả các gói thầu, gồm: đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT; đánh giá về năng lực và kinh nghiệm; đánh giá về kỹ thuật; đánh giá về tài chính.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung cần lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, việc đánh giá về bảo đảm dự thầu, doanh thu bình quân hằng năm, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất được thực hiện tại bước đánh giá về tài chính.

b) Quy trình 02 áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, sử dụng phương pháp “giá thấp nhất” và các E-HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào.

Căn cứ vào biên bản mở thầu, Hệ thống tự động xếp hạng nhà thầu theo giá dự thầu thấp nhất (không phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu trong trường hợp này). Trường hợp có từ 02 nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất thì không đánh giá theo quy trình 02 mà phải đánh giá theo quy trình 01;

Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất;

Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu xếp hạng thứ nhất;

Đánh giá về kỹ thuật của nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì đánh giá đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

c) Đối với gói thầu áp dụng theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT quy định trong E-HSMT, bên mời thầu được chọn một trong hai quy trình quy định tại điểm a và điểm b khoản này để đánh giá E-HSDT. Quy trình 02 chỉ thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại điểm b khoản này.

2. Trường hợp chỉ có 01 nhà thầu tham dự thầu hoặc chỉ có 01 nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì không cần xác định giá đánh giá (trong trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá), điểm tổng hợp (trong trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá), không cần xác định ưu đãi, không cần xếp hạng nhà thầu.

3. Sau khi đánh giá E-HSDT, tổ trưởng tổ chuyên gia đính kèm bản scan báo cáo đánh giá E-HSDT (có chữ ký của tất cả thành viên trong tổ chuyên gia) trên Hệ thống. Tổ trưởng tổ chuyên gia chịu trách nhiệm về sự thống nhất giữa bản báo cáo đánh giá E-HSDT scan đính kèm trên Hệ thống và bản báo cáo đánh giá E-HSDT bằng giấy có chữ ký của các thành viên trong tổ chuyên gia.

Điều 29. Trình, thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Bên mời thầu lập tờ trình theo Phụ lục 3A ban hành kèm theo Thông tư này và kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trình chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

2. Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo Phụ lục 3B ban hành kèm theo Thông tư này trên cơ sở tờ trình, báo cáo đánh giá E-HSDT, báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với gói thầu đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đã đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc chưa đăng tải trên Hệ thống) trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 nhưng đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành chưa phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu thì phải phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu để phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và Thông tư này (nếu có).

2. Đối với gói thầu đã được phê duyệt áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và lập E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT theo quy định của Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (sau đây gọi là Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT):

a) Trường hợp gói thầu đã đăng tải E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT trên Hệ thống trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến trước ngày 27 tháng 02 năm 2024 thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, các nội dung còn phù hợp với Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây gọi là Nghị định số 63/2014/NĐ-CP) và Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT;

b) Trường hợp gói thầu đã đăng tải E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT trên Hệ thống kể từ ngày 27 tháng 02 năm 2024 đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT;

c) Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trường hợp gói thầu chưa lập E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT hoặc đã lập, phê duyệt E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT nhưng chưa đăng tải E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT trên Hệ thống thì phải lập, sửa đổi, phê duyệt lại E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT theo quy định của Thông tư này.

3. Đối với gói thầu không áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng:

a) Trường hợp gói thầu đã đăng tải hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu trên Hệ thống trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến trước ngày 27 tháng 02 năm 2024 thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, các nội dung còn phù hợp với Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;

b) Trường hợp gói thầu đã đăng tải hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu trên Hệ thống kể từ ngày 27 tháng 02 năm 2024 đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;

c) Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trường hợp gói thầu chưa lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu hoặc đã phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu nhưng chưa đăng tải hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu trên Hệ thống thì phải lập, sửa đổi, thẩm định, phê duyệt lại hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu cho phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Chủ đầu tư chỉnh sửa các Mẫu hồ sơ mời thầu ban hành kèm theo Thông tư này để phù hợp với cách thức tổ chức lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

4. Trường hợp thay đổi hình thức lựa chọn nhà thầu từ không qua mạng thành qua mạng thì chủ đầu tư không phải trình người có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu mà tiến hành chỉnh sửa hình thức lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống từ không qua mạng thành qua mạng. Quy trình chỉnh sửa thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2024.
2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT hết hiệu lực thi hành, trừ nội dung quy định tại khoản 3 Điều này.
3. Mẫu số 7A và Mẫu số 7B ban hành kèm theo Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT có hiệu lực thi hành cho đến khi Thông tư hướng dẫn về đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập do Bộ Y tế ban hành có hiệu lực thi hành.
4. Trường hợp các thông tin trong quá trình lựa chọn nhà thầu cần bảo mật và không thể công khai trên Hệ thống, người có thẩm quyền quyết định việc đăng tải thông tin trong quá trình lựa chọn nhà thầu.
5. Trường hợp gói thầu đặc thù mà nếu áp dụng các quy định của Mẫu E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT ban hành kèm theo Thông tư này sẽ có ít hơn 03 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm, hợp đồng tương tự thì chủ đầu tư, bên mời thầu được chỉnh sửa các yêu cầu này theo nguyên tắc sau:
 - a) Việc chỉnh sửa yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm, hợp đồng tương tự khác với quy định của các Mẫu E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT phải bảo đảm việc phân chia gói thầu là hợp lý, quy mô gói thầu không quá lớn để hạn chế cạnh tranh;
 - b) Khi trình phê duyệt E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT, bên mời thầu phải nêu rõ việc chỉnh sửa E-HSMST, E-HSMQT, E-HSMT trong tờ trình để chủ đầu tư xem xét;
 - c) Trong mọi trường hợp, chủ đầu tư phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu; nhà thầu được lựa chọn có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.
6. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, khi lập hồ sơ mời thầu đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng, chủ đầu tư, bên mời thầu vận dụng các Mẫu E-HSMT ban hành kèm theo Thông tư này trên cơ sở bảo đảm không trái với quy định của Luật Đấu thầu và Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

7. Hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu trên Hệ thống phù hợp với lịch nghỉ lễ, Tết theo thông báo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

8. Việc chỉnh sửa các biểu mẫu dưới dạng webform trên Hệ thống thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 135 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

9. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp, các tập đoàn kinh tế nhà nước, các tổng công ty nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Phụ lục 1A: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá E-HSDXKT (đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Phụ lục 1B: Mẫu Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Phụ lục 2A: Mẫu Kết quả đối chiếu tài liệu (đối với tất cả các gói thầu)

Phụ lục 2B: Mẫu Biên bản thương thảo hợp đồng (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, phi tư vấn áp dụng thương thảo hợp đồng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 43 của Luật Đấu thầu)

Phụ lục 2C: Mẫu Biên bản thương thảo hợp đồng (đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn)

Phụ lục 3A: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Phụ lục 3B: Mẫu Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Phụ lục 4: Mẫu Bản cam kết

Phụ lục 5: Phiếu đăng ký thông tin văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu

Phụ lục 6: Phiếu thông báo thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại Việt Nam

Phụ lục 7: Phiếu thông báo thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu

Phụ lục 8: Một số hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu

Phụ lục 1A

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ / _____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá E-HSDXKT gói thầu...

[ghi tên gói thầu trong KHLCNT được duyệt]

(đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Kính gửi: *[ghi tên Chủ đầu tư]*

1. Căn cứ pháp lý

Nêu các căn cứ pháp lý có liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu.

2. Nội dung gói thầu

Theo KHLCNT, Bên mời thầu điền các nội dung liên quan đến gói thầu như sau:

- Tên gói thầu;
- Giá gói thầu;
- Nguồn vốn;
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Tùy chọn mua thêm (nếu có).

3. Quá trình thực hiện

a) Bên mời thầu tóm tắt quá trình thực hiện theo bảng sau:

Stt	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu	
2	Đăng tải KHLCNT	<i>[Ghi ngày đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia]</i>

Stt	Nội dung	Thời gian thực hiện
3	Mời thầu	
3.1	Đăng tải E-TBMT và phát hành E-HSMT	<i>[ghi số E-TBMT và thời điểm đăng tải]</i>
3.2	Làm rõ E-HSMT (nếu có)	<i>[Ghi ngày làm rõ, số văn bản làm rõ (nếu có) của văn bản yêu cầu làm rõ của nhà thầu và văn bản làm rõ E-HSMT của Bên mời thầu]</i>
3.3	Sửa đổi E-HSMT (nếu có)	<i>[Ghi thời gian, số, ngày ban hành văn bản sửa đổi]</i>
3.4	Thời điểm đóng thầu	<i>[Ghi thời điểm đóng thầu]</i>
4	Mở thầu	
4.1	Thời gian mở thầu	<i>[Ghi thời gian hoàn thành mở thầu]</i>
4.2	Các vấn đề khác trong quá trình mở thầu (nếu có)	<i>[Ghi các vấn đề và cách xử lý]</i>
5	Đánh giá HSDXKT	
	Thời gian đánh giá E-HSDXKT	<i>[Ghi thời gian đánh giá E-HSDXKT từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm trình phê duyệt kết quả đánh giá về kỹ thuật]</i>

b) Các vấn đề trong quá trình đánh giá E-HSDXKT, các vấn đề phát sinh cần xử lý tình huống;

c) Kết luận của tổ chuyên gia về danh sách nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật;

d) Ý kiến của Bên mời thầu về các nội dung đánh giá nêu trong báo cáo của tổ chuyên gia, ý kiến của tổ chuyên gia;

đ) Nhận xét của Bên mời thầu về việc bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý; những nội dung của E-HSMT không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc nội dung có thể dẫn đến cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có); đề xuất biện pháp xử lý.

4. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả đánh giá E-HSDXKT, _____ [ghi tên Bên mời thầu] kiến nghị _____ [ghi tên Chủ đầu tư] phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu _____ [ghi tên gói thầu theo KHLCNT]:

[Liệt kê:

- Các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, số điểm kỹ thuật (trường hợp áp dụng phương pháp chấm điểm);

- Các nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, số điểm kỹ thuật (trường hợp áp dụng phương pháp chấm điểm).]

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định (để thẩm định);
- Lưu: VT,

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA BÊN MỜI THẦU**
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Phụ lục 1B

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ____ / ____ , ngày ____ tháng ____ năm ____

QUYẾT ĐỊNH¹

Về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu... [ghi tên gói thầu] thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu... [ghi tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm... [ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

(đối với gói thầu theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

[ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ]

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ....

[Nêu các căn cứ pháp lý như: Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Quyết định phê duyệt E-HSMT, Tờ trình của bên mời thầu; Báo cáo thẩm định của tổ thẩm định...]

Xét đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.... thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu.... thuộc dự án/dự toán mua sắm.... bao gồm:

[Ghi tên đầy đủ của nhà thầu. Trường hợp áp dụng phương pháp chấm điểm phải ghi rõ số điểm và xếp hạng nhà thầu theo thứ tự từ cao đến thấp]

Điều 2. Giao.... [ghi tên đơn vị được giao] chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

¹ Chủ đầu tư sử dụng phụ lục này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký..... *[ghi tên đơn vị được giao]* chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- (....)
- Lưu: VT, BMT (....).

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
[Ký tên, đóng dấu]

Phụ lục 2A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU TÀI LIỆU

Gói thầu: ____ [ghi tên gói thầu]

Số: ____ / ____

1. Tên nhà thầu được đối chiếu tài liệu:

2. Tên cá nhân được phân công đối chiếu tài liệu:

Ông/Bà: _____ [ghi tên các cá nhân trong bên mời thầu phụ trách việc đối chiếu tài liệu].

3. Kết quả đối chiếu tài liệu:

a) Thông tin về tính hợp lệ của E-HSDT:

(ghi rõ "thống nhất" hay "không thống nhất")

Các nội dung không thống nhất: [ghi cụ thể từng nội dung không thống nhất giữa thông tin cam kết, kê khai trong E-HSDT với tài liệu nhà thầu cung cấp theo bảng dưới đây].

Nội dung không thống nhất	Cam kết, kê khai trong E-HSDT	Tài liệu của nhà thầu

b) Thông tin về năng lực, kinh nghiệm:

(ghi rõ "thống nhất" hay "không thống nhất")

Các nội dung không thống nhất: [ghi cụ thể từng nội dung không thống nhất giữa thông tin kê khai của nhà thầu với tài liệu nhà thầu cung cấp theo bảng dưới đây].

Nội dung không thống nhất	Kê khai trong E-HSDT	Tài liệu của nhà thầu

4. Kết luận về việc đối chiếu tài liệu:

(chọn một trong hai kết luận dưới đây)

Thống nhất với thông tin kê khai, được mời vào thương thảo hợp đồng (nếu có).

Không thống nhất với thông tin kê khai.

Ý kiến khác (nếu có):.....

(Trường hợp kết luận về việc đối chiếu tài liệu là không thống nhất với thông tin kê khai thì bên mời thầu phải có ý kiến yêu cầu tổ chuyên gia đánh giá lại đối với nhà thầu này.)

Người thực hiện
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện nhà thầu xác nhận
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu, tổ chuyên gia phải lưu trữ tài liệu của nhà thầu để phục vụ công tác thẩm định, thanh tra, kiểm tra...

(2) Đại diện nhà thầu được mời đến đối chiếu tài liệu phải có giấy giới thiệu của nhà thầu hoặc giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu.

Phụ lục 2B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

(đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, phi tư vấn áp dụng thương thảo hợp đồng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 43 của Luật Đấu thầu)

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]**Số: _____ / _____**

Căn cứ pháp lý: [nêu các căn cứ pháp lý liên quan đến gói thầu như: Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức; văn bản phê duyệt dự án, KHLCNT; các văn bản liên quan đến gói thầu...].

Hôm nay, ngày ___ / ___ / ___ tại địa chỉ: _____, chúng tôi, đại diện cho các bên thương thảo hợp đồng, gồm có:

Bên mời thầu: _____ [ghi tên Bên mời thầu]

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Nhà thầu: _____ [ghi tên nhà thầu]

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Hai bên đã thương thảo⁽¹⁾ và thống nhất những nội dung trong hợp đồng như sau:

a) *Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;*

b) *Thương thảo về các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong E-HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế tại Mục 12.1 E-BDL;*

c) *Thương thảo về nhân sự;*

d) *Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;*

đ) *Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định;*

e) *Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.*

Việc thương thảo hợp đồng kết thúc vào _____ ngày ___/___/____. Biên bản thương thảo hợp đồng được lập thành _____ bản, bên A giữ _____ bản, bên B giữ _____ bản, các biên bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

[Ký tên, đóng dấu (nếu có)]

ĐẠI DIỆN BÊN B

[Ký tên, đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Nguyên tắc thương thảo hợp đồng phải tuân thủ theo quy định trong E-HSMT, Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Phụ lục 2C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

(đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn)

Gói thầu: ____ *[ghi tên gói thầu]***Số:** ____ / ____

Căn cứ pháp lý: [nêu các căn cứ pháp lý liên quan đến gói thầu như: Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức; văn bản phê duyệt dự án, KHLCNT; các văn bản liên quan đến gói thầu....]

Hôm nay, ngày ____ / ____ / ____ tại địa chỉ: _____, chúng tôi, đại diện cho các bên thương thảo hợp đồng, gồm có:

Bên mời thầu: _____ *[ghi tên Bên mời thầu]*

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Nhà thầu: _____ *[ghi tên nhà thầu]*

Đại diện: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Hai bên đã thương thảo⁽¹⁾ và thống nhất những nội dung trong hợp đồng như sau:

a) Thảo luận về điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần “Mô tả dịch vụ” của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng;

b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự;

c) Tiến độ;

d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);

đ) Bố trí điều kiện làm việc;

e) Chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;

g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

h) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong E_HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong E-HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế;

i) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

Việc thương thảo hợp đồng kết thúc vào _____ ngày ___/___/____. Biên bản thương thảo hợp đồng được lập thành _____ bản, bên A giữ _____ bản, bên B giữ ___ bản, các biên bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

[Ký tên, đóng dấu (nếu có)]

ĐẠI DIỆN BÊN B

[Ký tên, đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Nguyên tắc thương thảo hợp đồng phải tuân thủ theo quy định trong E-HSMT, Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Phụ lục 3A

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ / _____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu....

[ghi tên gói thầu trong KHLCNT được duyệt]

Kính gửi: *[ghi tên Chủ đầu tư]*

1. Căn cứ pháp lý

Nêu các căn cứ pháp lý có liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu.

- Biên bản đối chiếu tài liệu;
- Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có).

2. Nội dung gói thầu

Theo KHLCNT, Bên mời thầu điền các nội dung liên quan đến gói thầu như sau:

- Tên gói thầu;
- Giá gói thầu;
- Nguồn vốn;
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Tùy chọn mua thêm (nếu có).

3. Tóm tắt nội dung đánh giá

a) Kết quả đánh giá đối với từng hồ sơ dự thầu;

b) Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, danh sách xếp hạng nhà thầu theo thứ tự từ thấp đến cao giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) tính trên mỗi đơn vị hạng mục hàng hóa mà nhà thầu dự thầu;

- c) Kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có);
- d) Danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại bỏ nhà thầu;
- đ) Tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu, giá đề nghị trúng thầu, loại hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, tên các nhà thầu được đề nghị trúng thầu là danh sách các nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) tính trên mỗi đơn vị của hạng mục nhà thầu dự thầu theo thứ tự từ thấp đến cao cho đến khi tổng số lượng hàng hóa mà các nhà thầu trúng thầu chào thầu bằng số lượng hàng hóa nêu trong E-HSMT và ghi giá đề nghị trúng thầu tương ứng với từng nhà thầu;
- e) Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý;
- g) Những nội dung của E-HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có) và đề xuất biện pháp xử lý.

4. Quá trình thực hiện

a) Bên mời thầu tóm tắt quá trình thực hiện theo bảng sau:

Stt	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu	
2	Đăng tải KHLCNT	<i>[Ghi ngày đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia]</i>
3	Mời thầu	
3.1	Đăng tải E-TBMT và phát hành E-HSMT	<i>[ghi số E-TBMT và thời điểm đăng tải]</i>
3.2	Làm rõ E-HSMT (nếu có)	<i>[Ghi ngày làm rõ, số văn bản làm rõ (nếu có) của văn bản yêu cầu làm rõ của nhà thầu và văn bản làm rõ E-HSMT của Bên mời thầu]</i>

Stt	Nội dung	Thời gian thực hiện
3.3	Sửa đổi E-HSMT (nếu có)	<i>[Ghi thời gian, số, ngày ban hành văn bản sửa đổi]</i>
3.4	Thời điểm đóng thầu	<i>[Ghi thời điểm đóng thầu]</i>
4	Mở thầu	
4.1	Thời gian mở thầu	<i>[Ghi thời gian hoàn thành mở thầu]</i>
4.2	Các vấn đề khác trong quá trình mở thầu (nếu có)	<i>[Ghi các vấn đề và cách xử lý]</i>
5	Đánh giá E-HSDT (đối với phương thức 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ)	
	Thời gian đánh giá E-HSDT	<i>[Ghi thời gian đánh giá E-HSDXKT từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]</i>
6	Đánh giá E-HSDT (đối với phương thức 1 giai đoạn 2 túi hồ sơ)	
6.1	Thời gian đánh giá E-HSDXKT	<i>[Ghi thời gian đánh giá E-HSDXKT từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm trình phê duyệt kết quả đánh giá về kỹ thuật]</i>
6.2	Thời gian đánh giá E-HSDXTC	<i>[Ghi thời gian đánh giá E-HSDXTC từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]</i>

b) Các vấn đề trong quá trình đánh giá E-HSDXKT, các vấn đề phát sinh cần xử lý tình huống;

c) Kết luận của tổ chuyên gia về danh sách nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật;

d) Ý kiến của Bên mời thầu về các nội dung đánh giá nêu trong báo cáo của tổ chuyên gia, ý kiến của tổ chuyên gia;

đ) Nhận xét của Bên mời thầu về việc bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch.

5. Quá trình đối chiếu tài liệu:

Bên mời thầu mô tả quá trình đối chiếu tài liệu:

- Ngày, tháng, năm thực hiện đối chiếu tài liệu;*
- Kết quả đối chiếu tài liệu;*
- Các vấn đề trong quá trình đối chiếu tài liệu (nếu có).*

6. Quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có)

a) Bên mời thầu mô tả quá trình thương thảo, tóm tắt các nội dung thương thảo hợp đồng:

- Ngày tháng tiến hành thương thảo;*
- Các vấn đề trong quá trình thương thảo.*

b) Lưu ý đối với Chủ đầu tư trong quá trình hoàn thiện, ký kết hợp đồng.

7. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả đánh giá E-HSĐT và thương thảo hợp đồng (nếu có) với nhà thầu _____ [ghi tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu], _____ [ghi tên Bên mời thầu] kiến nghị _____ [ghi tên Chủ đầu tư] phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu theo KHLCNT] với các nội dung sau:

- Tên nhà thầu trúng thầu;*
- Giá đề nghị trúng thầu;*

(Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, ghi tên nhà thầu trúng thầu và giá đề nghị trúng thầu theo danh sách nêu tại Mục 3)

- Loại hợp đồng;*
- Thời gian thực hiện gói thầu;*
- Thời gian thực hiện hợp đồng;*
- Danh sách nhà thầu phụ (nếu có);*

- Các thông tin khác;
- Tài liệu gửi kèm theo: báo cáo đánh giá của tổ chuyên gia, kết quả đối chiếu tài liệu, biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có), tờ trình và các tài liệu khác có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định (để thẩm định);
- Lưu: VT,

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA BÊN MỜI THẦU**
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Phụ lục 3B

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ / _____, ngày _____ tháng _____ năm _____

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu... [ghi tên gói thầu]
thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu... [ghi tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu]
thuộc dự án/dự toán mua sắm..... [ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

[ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ]

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024;

[Nêu các căn cứ pháp lý như: Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Quyết định phê duyệt E-HSMT, Báo cáo đánh giá E-HSĐT của Tổ chuyên gia, Tờ trình về kết quả lựa chọn nhà thầu của bên mời thầu; Báo cáo thẩm định của tổ thẩm định, các văn bản khác có liên quan...]

Xét đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu.... thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

[Tên dự án/dự toán mua sắm; Tên gói thầu; Tên đơn vị trúng thầu; Giá trúng thầu; Nguồn vốn; Thời gian thực hiện gói thầu/Thời gian thực hiện hợp đồng; Loại hợp đồng; Các nội dung cần lưu ý (nếu có)]

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao.... [ghi tên đơn vị được giao] căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký..... [ghi tên đơn vị được giao] chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- (.....)
- Lưu: VT, BMT (.....).

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
[Ký tên, đóng dấu]

Phụ lục 4

BẢN CAM KẾT

Tôi tên là: _____

Là thành viên của tổ chuyên gia đánh giá E-HSDT gói thầu _____ theo Quyết định số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____ [ghi tên đơn vị ban hành quyết định]. Tôi được cấp chứng chỉ chuyên môn về đấu thầu số: _____ do _____ [ghi tên đơn vị cấp chứng chỉ] cấp tại _____⁽¹⁾.

Tôi cam kết như sau:

- Được đào tạo theo quy định của pháp luật hiện hành, có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp và có năng lực, kinh nghiệm để đánh giá E-HSDT đối với gói thầu đang xét;

- Đánh giá E-HSDT trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá E-HSDT của mình;

- Bảo mật các thông tin và hồ sơ, tài liệu trong quá trình đánh giá E-HSDT theo đúng quy định của pháp luật;

- Không vi phạm các quy định về bảo đảm cạnh tranh.

Nếu tôi vi phạm nội dung cam kết nêu trên, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___

Người cam kết

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Trường hợp thuộc đối tượng có chứng chỉ cơ bản thì nội dung này ghi thông tin về số chứng chỉ cơ bản, đơn vị cấp, ngày cấp. Trường hợp có chứng chỉ hành nghề đấu thầu thì ghi thông tin về số chứng chỉ hành nghề đấu thầu, ngày cấp. Cho đến khi phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu theo quy định của Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT thì ghi thông tin về số chứng chỉ, đơn vị cấp, ngày cấp chứng chỉ này.

Phụ lục 5

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU THẦU**

Kính gửi: Cục Quản lý đấu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Tên đơn vị: *[ghi tên đơn vị gửi phiếu đăng ký]*.....
2. Số văn bản: *[ghi số của văn bản quy phạm pháp luật]*.....
3. Cơ quan ban hành:.....
4. Người ký:.....
5. Loại văn bản:.....
6. Ngày ban hành:..... Ngày hiệu lực.....
7. Tình trạng hiệu lực:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

* Ghi chú: Yêu cầu gửi kèm theo văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu (bản cứng và file mềm. File mềm gửi về địa chỉ chinhsachdauthau@mpi.gov.vn).

Phụ lục 6**PHIẾU THÔNG BÁO THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU
NƯỚC NGOÀI TRÚNG THẦU TẠI VIỆT NAM¹**

Kính gửi: Cục Quản lý đấu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Thông tin chung:.....
- Tên hợp đồng:.....
- Tên nhà thầu trúng thầu:.....
- Địa chỉ đăng ký thành lập tại nước hoặc vùng lãnh thổ nơi nhà thầu đang hoạt động:.....
- Số điện thoại:..... Fax:.....
- Email:..... Website:.....
- Địa chỉ chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có):.....
-
- Số điện thoại:..... Fax:.....
- Email:..... Website:.....
- Thời gian thực hiện gói thầu/dự án: từ..... đến:.....
- Tổng số cán bộ, chuyên gia Việt Nam:..... người
- Tổng số cán bộ, chuyên gia nước ngoài:..... người
- Cố vấn trưởng:.....
- Đội trưởng dự án:.....
- Giám đốc dự án:.....
- Tên ngày tháng năm sinh, số hộ chiếu của cán bộ chủ chốt thực hiện gói thầu:.....
-
-

....., ngày..... tháng..... năm.....
Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu thầu.

PHIẾU THÔNG BÁO THÔNG TIN
XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU THẦU⁽¹⁾
 Kính gửi: Cục Quản lý đấu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

A. Thông tin đơn vị đăng ký:

- Tên đơn vị đăng ký:.....
- Số quyết định:.....
- Ngày quyết định:.....

B. Thông tin tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm:

- Tên tổ chức, cá nhân vi phạm:.....
- Địa chỉ:.....
- Hình thức xử lý vi phạm:
 Cảnh cáo
 Phạt tiền (*số tiền*)
 Cấm tham gia hoạt động đấu thầu (*thời gian cấm*)
- Lý do xử lý vi phạm:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Quyết định xử lý vi phạm được gửi kèm Phiếu thông báo này.

Chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải thông tin xử lý vi phạm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu thầu.

Phụ lục 8**Một số nội dung của E-HSMT dẫn đến hạn chế cạnh tranh theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu**

Một số quy định của E-HSMT dẫn đến hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu gồm:

1. Quy định chung đối với tất cả các gói thầu:

a) Quy định về số lượng nhân sự chủ chốt và thiết bị thi công, thiết bị chủ yếu quá mức cần thiết để thực hiện gói thầu;

b) Quy định nhà thầu phải có xác nhận tham gia hội nghị tiền đấu thầu hoặc yêu cầu chứng minh việc đã tham gia hội nghị tiền đấu thầu;

c) Quy định năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu cao hơn mức yêu cầu của gói thầu;

d) Quy định hợp đồng tương tự là hợp đồng đã thực hiện trên một địa bàn cụ thể hoặc là công trình tương tự của một đơn vị cụ thể hoặc phải ký với cơ quan nhà nước;

đ) Quy định nhân sự thực hiện gói thầu phải được đóng bảo hiểm xã hội, phải là nhân sự đang ký hợp đồng lao động với nhà thầu; yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu, thiết bị cần thiết cho gói thầu phải thuộc sở hữu của nhà thầu mà không được đi thuê;

e) Quy định các tiêu chí mà pháp luật quản lý ngành không yêu cầu như: giấy phép hành nghề, giấy xác nhận đối tác và các yêu cầu về chứng chỉ, chứng nhận mà pháp luật quản lý ngành không quy định (Ví dụ: gói thầu chỉnh lý tài liệu yêu cầu nhân sự phải là lưu trữ viên hoặc lưu trữ viên chính);

g) Quy định nhân sự chủ chốt được kê khai trong E-HSDT phải đến phỏng vấn trực tiếp trong quá trình đánh giá E-HSDT.

2. Quy định đối với gói thầu mua sắm hàng hóa:

a) Quy định yêu cầu về kỹ thuật mà chỉ có một sản phẩm cụ thể của một hãng sản xuất cụ thể đáp ứng trong khi trên thị trường có nhiều hãng sản xuất có thể cung cấp hàng hóa thuộc gói thầu;

b) Yêu cầu giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương đối với những hàng hóa thông dụng, đơn giản;

c) Yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;

d) Yêu cầu về hàng hóa mẫu đối với gói thầu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 27 của Thông tư này;

đ) Yêu cầu nhà thầu khi tham dự thầu phải có giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật do nhà sản xuất ban hành và phải có dấu xác nhận của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, nhà phân phối;

e) Yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với phần công việc cung cấp hàng hóa;

g) Yêu cầu về giấy chứng nhận ISO đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất;

h) Yêu cầu về thiết bị chủ chốt để thực hiện gói thầu.

3. Quy định đối với gói thầu xây lắp:

a) Yêu cầu nhà thầu phải có xác nhận khảo sát hiện trường hoặc yêu cầu chứng minh đã khảo sát hiện trường;

b) Yêu cầu nhà thầu khi tham dự thầu phải có cam kết hoặc ký hợp đồng nguyên tắc về bãi đổ thải cụ thể, cự ly đổ thải cụ thể, các mỏ vật liệu cụ thể, yêu cầu về cự ly trạm trộn bê tông... trong phạm vi một vùng hoặc một khoảng cách cụ thể mà chỉ có một hoặc một số ít nhà thầu đáp ứng;

c) Yêu cầu nhà thầu phải xác định cụ thể vị trí, tuyến đường, địa phương mà xe vận chuyển vật tư, vật liệu cho công trình đi qua trong E-HSDT;

d) Yêu cầu nhà thầu phải có tiền mặt hoặc phải có khoản tiết kiệm ở các tổ chức tài chính hoặc phải có sổ dư tài khoản hoặc các yêu cầu tương tự về nguồn lực tài chính;

đ) Yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí mà pháp luật về xây dựng không có yêu cầu về tiêu chuẩn đối với chức danh đó hoặc các vị trí kỹ thuật thông thường, công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông;

e) E-HSMT phát hành trên Hệ thống thiếu bản vẽ hoặc bản vẽ không đầy đủ, không đủ cơ sở để lập E-HSĐT;

g) Nêu tên nhà thầu phụ đặc biệt bắt buộc nhà thầu phải sử dụng.

4. Các nội dung khác tương tự quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Phụ lục này dẫn đến hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

**MẪU KẾ HOẠCH TỔNG THỂ
LỰA CHỌN NHÀ THẦU, KẾ HOẠCH
LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

Mẫu số 01A. Mẫu Tờ trình kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu

[CƠ QUAN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ¹] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH**Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu²**

dự án: _____ [ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [người có thẩm quyền]

[Chủ đầu tư] trình [người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án

Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án;
- Tổng mức đầu tư;
- Tên chủ đầu tư;
- Nguồn vốn;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Địa điểm, quy mô dự án;
- Các thông tin khác (nếu có).

II. Căn cứ pháp lý

Căn cứ _____ [Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

¹ Trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư, thay “chủ đầu tư” thành “đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án” trong Tờ trình này.

² Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu chỉ áp dụng đối với dự án theo quy định tại Điều 36 của Luật Đấu thầu, không áp dụng đối với dự toán mua sắm.

Căn cứ __ [ghi số, ngày ban hành và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu: Quyết định chủ trương đầu tư dự án; Quyết định phê duyệt dự án (nếu có); Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có); Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án (nếu có); Văn bản pháp lý có liên quan].

III. Nội dung kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu

1. Phân tích bối cảnh thực hiện dự án

[Xác định yêu cầu cụ thể, mục tiêu của dự án, phân tích các yếu tố trong bối cảnh thực hiện dự án có thể tác động tới hoạt động đấu thầu; mức độ sẵn sàng dự thầu của nhà thầu; các yếu tố bao gồm: quy định của pháp luật, các yếu tố về kinh tế, xã hội, công nghệ, đấu thầu bền vững và các yếu tố khác].

2. Đánh giá năng lực, nguồn lực và kinh nghiệm thực hiện của chủ đầu tư

[Việc đánh giá năng lực, nguồn lực và kinh nghiệm để thực hiện hoạt động đấu thầu bao gồm:

a) Năng lực để thực hiện quy trình lựa chọn nhà thầu từ bước lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu đến quản lý hợp đồng;

b) Kết quả thực hiện công tác đấu thầu của chủ đầu tư thông qua các chỉ tiêu: tỷ lệ tiết kiệm trung bình; số lượng nhà thầu trung bình tham gia đấu thầu rộng rãi, hạn chế, chào hàng cạnh tranh, chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường, tỷ lệ gói thầu đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường chỉ có 01 nhà thầu tham dự trên tổng số gói thầu; tỷ lệ gói thầu có kiến nghị về hồ sơ mời thầu; tỷ lệ gói thầu có kiến nghị về các nội dung khác trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu; số lần không trả lời yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu; số lần không trả lời kiến nghị về hồ sơ mời thầu, các nội dung khác trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu; các chỉ tiêu khác (nếu có);

Thống kê kết quả thực hiện công tác đấu thầu theo Bảng sau:

Bảng thống kê kết quả thực hiện công tác đấu thầu¹

Nội dung thống kê	Tổng số	Hàng hóa	Xây lắp	Phi tư vấn	Tư vấn	Hỗ trợ
<i>Tổng số gói thầu</i>						
<i>Tổng số gói thầu đã có kết quả lựa chọn nhà thầu</i>						
<i>Tỷ lệ tiết kiệm trung bình</i>						
<i>Số lượng nhà thầu trung bình tham gia đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường</i>						
<i>Tỷ lệ gói thầu đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường chỉ có 01 nhà thầu tham dự trên tổng số gói thầu</i>						
<i>Tỷ lệ gói thầu có kiến nghị về hồ sơ mời thầu</i>						
<i>Tỷ lệ gói thầu có kiến nghị về các nội dung khác trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu</i>						
<i>Số lần không trả lời yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu</i>						
<i>Số lần không trả lời kiến nghị về hồ sơ mời thầu, các nội dung khác trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu</i>						

¹ Chủ đầu tư trích xuất bảng thống kê từ Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thời gian trích xuất là 5 năm tính đến ngày lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu; trường hợp 5 năm trước đó là trước ngày 16/9/2022 thì tính từ ngày 16/9/2022.

c) Kinh nghiệm về triển khai các dự án tương tự, việc xử lý kiến nghị trong lựa chọn nhà thầu, khiếu nại, tố cáo;

d) Các yếu tố khác]

3. Phân tích, tham vấn thị trường

[Việc phân tích, tham vấn thị trường được thực hiện như sau:

a) Phân tích, tham vấn thị trường bao gồm việc đánh giá rủi ro và cơ hội về thị trường đối với hình thức lựa chọn nhà thầu đang xem xét; khả năng tham dự của nhà thầu; thị trường hàng hóa, dịch vụ có khả năng cung cấp cho dự án; xu thế của thị trường trong thời gian thực hiện dự án. Căn cứ vào quy mô, tính chất gói thầu, việc phân tích, tham vấn thị trường bao gồm thông tin về mức độ sẵn có của hàng hóa, dịch vụ thuộc gói thầu trên thị trường; các chi phí có thể phát sinh trong trường hợp cần áp dụng giải pháp đổi mới, sáng tạo; nội dung điều khoản bảo hành, loại hợp đồng thường áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ tương tự của các chủ đầu tư khác; quy định của pháp luật (nếu có) đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc gói thầu; khả năng áp dụng đấu thầu bền vững, mua sắm các dịch vụ thân thiện môi trường, thông tin về các hàng hóa, dịch vụ có sử dụng nguyên vật liệu tái chế, tiết kiệm năng lượng; khả năng tham dự thầu của nhà thầu tiềm năng là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp có sử dụng nhiều lao động nữ, lao động là thương binh, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số; phân tích chuỗi cung ứng (khả năng cung cấp vật tư, vật liệu, hàng hóa dịch vụ cho việc thực hiện hợp đồng); khả năng tổ chức lựa chọn nhà thầu mà chỉ cho phép hàng hóa có xuất xứ Việt Nam được chào thầu theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu và các thông tin cần thiết khác;

b) Việc tham vấn thị trường được thực hiện theo một hoặc các cách thức sau: tham khảo các kết quả tham vấn thị trường gần nhất đối với hàng hóa, dịch vụ tương tự; đăng tải câu hỏi tham vấn thị trường trên các phương tiện thông tin phù hợp; nghiên cứu catalô và tài liệu giới thiệu sản phẩm của hãng sản xuất, nhà cung cấp, nhà phân phối, đại lý; tham khảo kinh nghiệm của chủ đầu tư khác đã tiến hành tham vấn thị trường, tham vấn kết quả tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ tương tự; tổ chức hội nghị tham vấn thị trường với các nhà thầu tiềm năng trên cơ sở công khai, minh bạch; tổ chức khảo

sát thông tin từ các đơn vị sản xuất kinh doanh; tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan, các báo in, tạp chí, ấn phẩm phân tích thị trường chuyên ngành, thông tin trên Internet và các hình thức phù hợp khác;

c) Chủ đầu tư có thể thuê tư vấn nghiên cứu phân tích thị trường, sử dụng ý kiến tư vấn của các chuyên gia hoặc cơ quan chức năng độc lập hoặc của các doanh nghiệp trên thị trường trong việc lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu nhưng phải đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh, công bằng và minh bạch.]

4. Xác định, quản lý rủi ro trong đấu thầu

[Nội dung xác định, quản lý rủi ro trong đấu thầu như sau:

a) Phân tích các rủi ro chính liên quan tới môi trường hoạt động, điều kiện thị trường, năng lực của tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu và mức độ phức tạp của hoạt động đấu thầu;

b) Đánh giá khả năng xảy ra và tác động của mỗi rủi ro đối với công tác đấu thầu của dự án;

c) Xây dựng kế hoạch quản lý và giảm thiểu rủi ro trong công tác đấu thầu của dự án thông qua việc áp dụng hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu, yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá, điều kiện hợp đồng phù hợp].

5. Mục tiêu cụ thể của hoạt động đấu thầu

[Xác định mục tiêu cụ thể của hoạt động đấu thầu (bao gồm các mục tiêu cụ thể về đấu thầu bền vững, nếu áp dụng) bảo đảm mục tiêu tổng quát của dự án].

6. Kế hoạch về tiến độ thực hiện các công việc chính, gói thầu

[Xây dựng tiến độ tổng thể để thực hiện các công việc chính, gói thầu phù hợp với tiến độ thực hiện đầu tư dự án].

7. Quản lý công tác lựa chọn nhà thầu

[Nêu các nội dung sau:

a) Phân chia gói thầu: việc phân chia gói thầu căn cứ theo quy mô, tính chất các công việc thuộc dự án, theo tiến độ thực hiện dự án và căn cứ kết quả phân tích, tham vấn thị trường; xác định số lượng gói thầu và phạm vi công việc của mỗi gói thầu, xác định các gói thầu chia thành nhiều phần;

b) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu: xác định hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu phù hợp đối với từng gói thầu thuộc dự án, trong đó nêu rõ gói thầu có áp dụng mua sắm tập trung không, có áp dụng lựa chọn danh sách ngắn không, trong nước hay quốc tế;

c) Loại hợp đồng: xác định loại hợp đồng phù hợp với từng gói thầu;

d) Nội dung cần lưu ý trong quá trình xây dựng hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, quản lý thực hiện hợp đồng (nếu có)].

IV. Kiến nghị

[Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, chủ đầu tư đề nghị người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu của dự án].

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị thẩm định;
- Lưu...

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

DANH MỤC TÀI LIỆU*(Kèm theo Tờ trình phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu)*

STT	Nội dung	Ghi chú
1	<i>Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án</i>	<i>Bản chụp</i>
2	<i>Quyết định phê duyệt dự án (nếu có)</i>	<i>Bản chụp</i>
3	<i>Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có)</i>	<i>Bản chụp</i>
4	<i>Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án (nếu có)</i>	<i>Bản chụp</i>
5	<i>Văn bản pháp lý có liên quan (nếu có)</i>	

Mẫu số 01B. Mẫu Báo cáo thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu**[ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH]****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: _____ ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu dự án: _____ [Ghi tên dự án]**

Kính gửi: _____ [Người có thẩm quyền]

Trên cơ sở tờ trình của _____ [chủ đầu tư¹] về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu và các tài liệu liên quan _____ [đơn vị thẩm định] đã tiến hành thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu dự án _____ [ghi tên dự án] từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt] và báo cáo về kết quả thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN**1. Căn cứ pháp lý:**

- Căn cứ _____ [Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ _____ [căn cứ quy mô, tính chất, yêu cầu của dự án mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ _____ [văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định].

2. Thông tin cơ bản:

[Phần này nêu khái quát về nội dung chính của dự án như sau:]

a) Tên dự án;

b) Tổng mức đầu tư;

c) Nguồn vốn;

¹ Trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư, thay “chủ đầu tư” thành “đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án” trong Báo cáo thẩm định này.

- d) Chủ đầu tư;
- đ) Thời gian thực hiện dự án;
- e) Địa điểm, quy mô dự án;
- g) Các thông tin khác (nếu có).

3. Tóm tắt nội dung văn bản trình duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu:

[Đơn vị thẩm định tóm tắt các nội dung theo tờ trình, bao gồm các nội dung sau:]

- a) Cơ sở pháp lý để lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu;
- b) Phân tích bối cảnh thực hiện dự án;
- c) Đánh giá năng lực, nguồn lực và kinh nghiệm thực hiện của chủ đầu tư;
- d) Phân tích, tham vấn thị trường;
- đ) Xác định, quản lý rủi ro trong đấu thầu;
- e) Mục tiêu cụ thể của hoạt động đấu thầu;
- g) Kế hoạch về tiến độ thực hiện các công việc chính, gói thầu;
- h) Quản lý công tác lựa chọn nhà thầu.

4. Tổ chức thẩm định:

a) Đơn vị thẩm định

Đơn vị thẩm định là: ___ *[ghi rõ tên đơn vị, phòng, ban thực hiện thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ được phân công hoặc tên đơn vị tư vấn đấu thầu được thuê theo hợp đồng].*

b) Cách thức làm việc

[Phần này nêu rõ cách thức làm việc của đơn vị thẩm định là theo nhóm hoặc độc lập trong quá trình thẩm định và cách thức thẩm định khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại].

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

[Căn cứ các tài liệu do chủ đầu tư trình, đơn vị thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về việc lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết (nếu có). Đơn vị thẩm định có ý kiến nhận xét về tính hợp lý, phù hợp trong các đề xuất của chủ đầu tư trên cơ sở đảm bảo việc phân chia gói thầu phải căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện dự án, bảo đảm tính đồng bộ của dự án].

1. Cơ sở pháp lý để lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu
2. Phân tích bối cảnh thực hiện dự án
3. Đánh giá năng lực, nguồn lực và kinh nghiệm thực hiện của chủ đầu tư
4. Phân tích, tham vấn thị trường
5. Xác định, quản lý rủi ro trong đấu thầu
6. Mục tiêu cụ thể của hoạt động đấu thầu
7. Kế hoạch về tiến độ thực hiện các công việc chính, gói thầu
8. Quản lý công tác lựa chọn nhà thầu

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét về nội dung kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu

a) Nhận xét chung:

[Trên cơ sở tổng hợp kết quả thẩm định theo từng nội dung nêu trên, đơn vị thẩm định đưa ra nhận xét chung về kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu. Trong phần này cần đưa ra ý kiến thống nhất hay không thống nhất với đề nghị của chủ đầu tư về kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

Đối với nội dung kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện sẽ được thuyết minh tại phần này lý do và cách thức cần thực hiện để bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật khác có liên quan. Những nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp cần được nêu cụ thể].

b) Ý kiến bảo lưu:

[Phần này nêu rõ ý kiến bảo lưu của thành viên đơn vị thẩm định trong quá trình thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu. Nếu không có thì ghi: Không có].

2. Đề xuất và kiến nghị

a) Trường hợp nội dung kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật khác có liên quan và đáp ứng yêu cầu thì đơn vị thẩm định đề nghị người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu theo nội dung dưới đây:

Trên cơ sở tờ trình của ___ [*chủ đầu tư*] về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định, phân tích như trên, ___ [*đơn vị thẩm định*] đề nghị ___ [*người có thẩm quyền*]: Phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu dự án ___ [*ghi tên dự án*].

b) Trường hợp đơn vị thẩm định không thống nhất với đề nghị của chủ đầu tư thì cần đề xuất biện pháp giải quyết để trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Các lưu ý trong việc phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, lập hồ sơ mời thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ đầu tư;
- Lưu...

**[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH]**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

DANH MỤC TÀI LIỆU*(Kèm theo Báo cáo thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu)*

STT	Nội dung	Ghi chú
1	<i>Văn bản trình kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu</i>	<i>Bản chính/Bản chụp</i>
2	<i>Văn bản của đơn vị thẩm định đề nghị đơn vị trình kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu bổ sung tài liệu, giải trình (nếu có)</i>	<i>Bản chính/Bản chụp</i>
3	<i>Văn bản giải trình, bổ sung tài liệu của đơn vị trình kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có)</i>	<i>Bản chính/Bản chụp</i>
4	<i>Ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có)</i>	<i>Bản chính/Bản chụp</i>
5	<i>Biên bản họp thẩm định của đơn vị thẩm định (nếu có)</i>	<i>Bản chính/Bản chụp</i>
6	<i>Ý kiến bảo lưu của cá nhân thuộc đơn vị thẩm định (nếu có)</i>	<i>Bản chính/Bản chụp</i>
7	<i>Danh sách các thành viên tham gia đơn vị thẩm định và phân công công việc giữa các thành viên (nếu có); Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu¹ (trừ trường hợp thành viên không phải có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP); Chứng chỉ liên quan khác (nếu có).</i>	<i>Bản chính/bản chụp</i>
8	<i>Các tài liệu có liên quan khác.</i>	

¹ Nội dung chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn đấu thầu thực hiện theo Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/3/2024 quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

Mẫu số 01C. Mẫu Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu**[CƠ QUAN CỦA NGƯỜI
CÓ THẨM QUYỀN]****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: _____, ngày _____ tháng _____ năm _____

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu****dự án: _____ [Ghi tên dự án]****_____ [Người có thẩm quyền]**

- Căn cứ _____ [Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ _____ [căn cứ quy mô, tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ báo cáo thẩm định ngày _____ [ghi ngày, tháng, năm] của _____ [đơn vị thẩm định] về việc thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu dự án _____ [ghi tên dự án];

Theo đề nghị của _____ [chủ đầu tư¹] tại tờ trình số _____ [ghi số hiệu tờ trình] ngày _____ [ghi ngày văn bản] về việc trình duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu dự án _____ [ghi tên dự án],

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu dự án: _____ [ghi tên dự án] với nội dung chi tiết như sau:

- Mục tiêu cụ thể của hoạt động đấu thầu⁽²⁾.
- Kế hoạch về tiến độ thực hiện các công việc chính, gói thầu⁽²⁾.
- Quản lý công tác lựa chọn nhà thầu⁽²⁾.

¹ Trường hợp “đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án” trình kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu thì thay “chủ đầu tư” thành “đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án”.

² Ghi tóm tắt theo nội dung tờ trình kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

Điều 2.___ [*Chủ đầu tư*] chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. [*Chủ đầu tư*] chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu...

[NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN]

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 02A. Mẫu tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu**[ĐƠN VỊ TRÌNH¹]****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: _____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH²**Kế hoạch lựa chọn nhà thầu****dự án, dự toán mua sắm: _____ [tên dự án, dự toán mua sắm]**Kính gửi: _____ [người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu³]

[Đơn vị trình] trình [người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án, dự toán mua sắm**1. Đối với dự án, phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:**

- Tên dự án
- Tổng mức đầu tư⁴
- Chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư;
- Nguồn vốn;

¹ Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu, trường hợp người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì đơn vị trình là chủ đầu tư; trường hợp chủ đầu tư (bao gồm cả trường hợp được người có thẩm quyền ủy quyền) hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì đơn vị trình là do chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án quy định.

² Trường hợp đã lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu thì cần đảm bảo nội dung của kế hoạch lựa chọn nhà thầu phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu. Trong trường hợp này, chủ đầu tư không cần giải trình, nêu lý do đối với các nội dung phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu. Trường hợp các nội dung của kế hoạch lựa chọn nhà thầu khác với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu thì chủ đầu tư phải giải trình, nêu rõ lý do trong tờ trình, báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định mà không phải trình, phê duyệt lại kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

³ Được xác định căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu.

⁴ Đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì thay bằng “dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư”

- Thời gian thực hiện dự án;
- Địa điểm, quy mô dự án;
- Các thông tin khác (nếu có).

2. Đối với dự toán mua sắm, phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự toán mua sắm như sau:

a) Dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo niên độ ngân sách hoặc dự kiến dự toán ngân sách được cấp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm; dự kiến nguồn tài chính hợp pháp trong năm tài chính hoặc dự kiến nguồn tài chính hợp pháp cho các năm kế tiếp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm;

b) Giá trị phân công việc mua sắm đã thực hiện trong năm tài chính, năm ngân sách;

c) Phần kinh phí không dùng để mua sắm;

d) Dự toán mua sắm, được xác định bằng kinh phí quy định tại điểm a khoản này trừ kinh phí quy định tại điểm b và điểm c khoản này. Chủ đầu tư không phải thẩm định, phê duyệt dự toán mua sắm.

Trường hợp chủ đầu tư có sẵn kinh phí để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính và không dùng nguồn thu dự kiến trong năm thì không phải xác định dự toán mua sắm theo quy định tại khoản này. Trong trường hợp này, dự toán mua sắm là khoản kinh phí có sẵn dùng để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính. Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng dài hơn 01 năm hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực và ngày hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng không cùng một năm tài chính thì nêu rõ dự toán mua sắm của năm ngân sách, năm tài chính và dự kiến dự toán mua sắm của các năm tiếp theo.

Trong phần này cũng nêu rõ tên chủ đầu tư; năm ngân sách, năm tài chính của dự toán mua sắm.

Trường hợp hình thành dự án đầu tư đối với dự toán mua sắm và tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với dự án đầu tư thì tại Mục I (Mô tả tóm tắt dự án, dự toán mua sắm) chỉ cần giới thiệu khái quát thông tin về dự án theo hướng dẫn tại Mục I.1 mà không phải giới thiệu khái quát thông tin về dự toán mua sắm theo hướng dẫn

tại Mục I.2. Trong trường hợp này, cần nêu rõ dự án đầu tư thuộc dự toán mua sắm (không phải là dự án đầu tư theo Luật đầu tư công, dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ). Thủ tục trình, thẩm định, phê duyệt các nội dung trong đấu thầu thực hiện theo quy định như đối với dự án đầu tư (hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo hướng dẫn tại ghi chú (6) Mục V.1).

II. Căn cứ pháp lý

Căn cứ__ [Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu]; Căn cứ__ [Ghi số, ngày ban hành và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Đối với dự án nêu căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023];

- Đối với dự toán mua sắm nêu căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023].

III. Phần công việc đã thực hiện⁽¹⁾

Bảng số 1

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu ⁽²⁾	Đơn vị thực hiện ⁽³⁾	Giá trị ⁽⁴⁾	Văn bản phê duyệt ⁽⁵⁾
1				
2				
...				
Tổng giá trị [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5]				

Ghi chú:

(1) Phần công việc đã thực hiện bao gồm nội dung công việc liên quan đến chuẩn bị dự án, các gói thầu, công việc khác đã được thực hiện (gồm cả gói thầu đã được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng chưa lựa chọn được nhà thầu, gói thầu đã lựa chọn nhà thầu nhưng chưa ký hợp đồng, gói thầu đã ký kết và đang thực hiện hợp đồng, gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đã thực hiện) với giá trị tương ứng và văn bản phê duyệt là căn cứ pháp lý để thực hiện.

(2) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.

(3) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.

(4) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền (ghi theo giá trị thanh lý, nghiệm thu hoặc giá hợp đồng, ... tùy theo giá trị nào gần nhất với thời điểm trình).

(5) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc, ...).

IV. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu⁽¹⁾

Bảng số 2

STT	Nội dung công việc ⁽²⁾	Đơn vị thực hiện ⁽³⁾	Giá trị ⁽⁴⁾
1			
2			
...			
Tổng giá trị [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5]			

Ghi chú:

(1) Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu bao gồm: hoạt động của ban quản lý dự án, tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng, trả lãi vay; các công việc do chủ đầu tư tự tiến hành bao gồm lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu; các công việc khác không áp dụng được các hình thức lựa chọn nhà thầu với giá trị tương ứng. Phần này bao gồm cả các gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng dự kiến sẽ mua sắm theo quy trình quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Đấu thầu. Trường hợp gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu mà dự kiến hình thành gói thầu để tổ chức lựa chọn nhà thầu theo các hình thức: đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp, chỉ định thầu, tự thực hiện, tham gia của cộng đồng, lựa chọn nhà thầu theo trường hợp đặc biệt, chào giá trực tuyến, mua sắm trực tuyến thì các gói thầu này thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu tại Mục V. Trường hợp chủ đầu tư chưa dự kiến

được gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng có thể phát sinh trong năm tài chính, năm ngân sách thì phần công việc này thuộc phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu tại Mục VI.

(2) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kê tại Bảng 1.

(3) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).

(4) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.

V. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu⁽¹⁾:

Bảng số 3

Stt	Tên chủ đầu tư ⁽²⁾	Tên gói thầu ⁽³⁾		Giá gói thầu ⁽⁴⁾	Nguồn vốn ⁽⁵⁾	Hình thức lựa chọn nhà thầu ⁽⁶⁾	Phương thức lựa chọn nhà thầu ⁽⁷⁾	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu ⁽⁸⁾	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu ⁽⁹⁾	Loại hợp đồng ⁽¹⁰⁾	Thời gian thực hiện gói thầu ⁽¹¹⁾	Tùy chọn mua thêm ⁽¹²⁾	Giám sát hoạt động đấu thầu ⁽¹³⁾
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1													
2													
Tổng giá gói thầu [kết chuyển sang Bảng số 5]													

Ghi chú:

(1) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu. Đơn vị trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu rõ cơ sở của việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu tại Mục V.2 của tờ trình này.

(2) Điền tên chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu đấu thầu trước theo quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án.

(3) Ghi tên gói thầu vào cột “Tên gói thầu”; nêu tóm tắt phạm vi công việc chính của gói thầu vào cột “Tóm tắt công việc chính của gói thầu”.

Nội dung, phạm vi công việc của gói thầu phù hợp với nội dung nêu trong quyết định phê duyệt dự án, phù hợp với dự toán mua sắm. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần riêng biệt thì tên của từng phần cần thể hiện nội dung cơ bản của từng phần.

(4) Giá gói thầu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

(5) Nguồn vốn thực hiện theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 38, khoản 3 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

(6) Hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 39 của Luật Đấu thầu; việc áp dụng từng hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II và khoản 6 Điều 43 Luật Đấu thầu, Mục 2, Mục 3 Chương VII Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Đối với gói thầu chỉ định thầu quy định tại điểm m khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu trường hợp đề xuất áp dụng quy trình rút gọn thì ghi “chỉ định thầu rút gọn” vào Mục này; trường hợp đề xuất áp dụng quy trình thông thường thì ghi “chỉ định thầu thông thường” vào Mục này.

Trường hợp hình thành dự án đầu tư đối với dự toán mua sắm theo Mục I (Mô tả tóm tắt dự án, dự toán mua sắm) và gói thầu thuộc hạn mức chỉ định thầu (từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng) thì ghi “chỉ định thầu rút gọn” vào Mục này nếu đề xuất áp dụng quy trình rút gọn; ghi “chỉ định thầu thông thường” vào Mục này nếu đề xuất áp dụng quy trình thông thường.

Đối với chào giá trực tuyến, ghi rõ chào giá trực tuyến thông thường hoặc chào giá trực tuyến rút gọn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 98 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Đối với lựa chọn nhà thầu tư vấn cá nhân, ghi rõ lựa chọn tư vấn cá nhân thông thường hoặc lựa chọn tư vấn cá nhân quy trình rút gọn theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

(7) Phương thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương II của Luật Đấu thầu. Trong đó, phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ chỉ được áp dụng đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đòi hỏi kỹ thuật cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ căn cứ quy định quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Đấu thầu; đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.

Đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy trình rút gọn thì không ghi nội dung này.

(8) Ghi tổng thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu (là số ngày tối đa tính từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến khi có kết quả lựa chọn nhà thầu, bao gồm cả thời gian thẩm định. Trường hợp cần thiết, có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, thời gian thẩm định vào mục này.

Trường hợp gói thầu có lựa chọn danh sách ngắn thì thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu bao gồm cả thời gian lựa chọn danh sách ngắn tính từ ngày phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm đến khi có kết quả lựa chọn danh sách ngắn (có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, thời gian thẩm định).

Đối với trường hợp xử lý tình huống theo quy định tại khoản 4 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và trường hợp hủy thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu, không phải điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

(9) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

(10) Loại hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Luật Đấu thầu.

(11) Thời gian thực hiện gói thầu thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

Thời gian thực hiện gói thầu cần phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, dự toán mua sắm. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì quy định cụ thể thời gian thực hiện gói thầu cho từng phần.

Đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung, thời gian thực hiện gói thầu căn cứ theo thỏa thuận khung.

(12) Tùy chọn mua thêm chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm rộng rãi, đàm phán giá và thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Trường hợp áp dụng tùy chọn mua thêm thì ghi rõ khối lượng, số lượng có thể mua bổ sung theo tỷ lệ phần trăm so với khối lượng tương ứng của hợp đồng nhưng bảo đảm không vượt 30%; nêu giá trị ước tính tương ứng. Trường hợp không áp dụng tùy chọn mua thêm thì ghi “không áp dụng”.

(13) Đối với gói thầu được đề xuất áp dụng giám sát, ghi rõ cá nhân, đơn vị được đề xuất thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu kèm theo email, số điện thoại, địa chỉ liên hệ. Đối với gói thầu không đề xuất áp dụng giám sát hoạt động đấu thầu thì để trống nội dung này.

Đối với gói thầu có giá dưới 500 triệu đồng, chủ đầu tư đề xuất người có thẩm quyền áp dụng hoặc không áp dụng việc chỉ cho phép nhà thầu sau được tham dự thầu: có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Trường hợp người có thẩm quyền quyết định áp dụng mà không có nhà thầu tham dự hoặc không có nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì tổ chức đấu thầu lại, nhà thầu không phải đáp ứng yêu cầu này. Việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp này căn cứ ghi chú (6).

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

*Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại **Bảng số 3**, cụ thể như sau:*

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: ___ [giải trình cơ sở phân chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu. Việc phân chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, dự toán mua sắm, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, dự toán mua sắm, không được chia công việc của dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, dự toán mua sắm;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, dự toán mua sắm năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

Việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu];

b) Giá gói thầu;

c) Nguồn vốn;

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;

đ) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu;

e) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;

- g) Loại hợp đồng;
 h) Thời gian thực hiện gói thầu;
 i) Tùy chọn mua thêm (nếu có);
 k) Giám sát hoạt động đấu thầu (nếu có).

VI. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)

Trường hợp tại thời điểm lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án, dự toán mua sắm có những phần công việc chưa đủ điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì cần nêu rõ nội dung và giá trị của phần công việc này tại Bảng số 4.

Bảng số 4

STT	Nội dung	Giá trị
1		
2		
3		
...		
Tổng giá trị [kết chuyển sang Bảng số 5]		

VII. Tổng giá trị các phần công việc

Bảng số 5

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
Tổng giá trị các phần công việc		
Tổng mức đầu tư của dự án, dự toán mua sắm hoặc dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư		<i>[ghi giá trị]</i>

VIII. Kiến nghị

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, *[đơn vị trình]* đề nghị ___ *[người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm: ___ *[ghi tên dự án, dự toán mua sắm]*.

Kính trình *[người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu]* xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị thẩm định;
- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ TRÌNH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

DANH MỤC TÀI LIỆU*(Kèm theo Tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu)*

STT	Nội dung	Ghi chú
I	Đối với dự án	
1	<i>Quyết định phê duyệt dự án và các tài liệu có liên quan. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án là quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư.</i>	<i>Bản chụp</i>
2	<i>Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có)</i>	<i>Bản chụp</i>
3	<i>Tài liệu về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công</i>	<i>Bản chụp</i>
4	<i>Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án đối với các dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023.</i>	<i>Bản chụp</i>
5	<i>Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, trừ trường hợp đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023.</i>	<i>Bản chụp</i>
6	<i>Văn bản pháp lý có liên quan</i>	
II	Đối với dự toán mua sắm	
1	<i>Tài liệu về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (nếu có)</i>	<i>Bản chụp</i>
2	<i>Văn bản pháp lý có liên quan</i>	

Mẫu số 02B. Mẫu Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu**[ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH]****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: _____ ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm: _____** [Ghi tên dự án, dự toán mua sắm]Kính gửi: _____ [Người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu¹]

Trên cơ sở tờ trình của _____ [đơn vị trình] về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các tài liệu liên quan được cung cấp, _____ [đơn vị thẩm định] đã tiến hành thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm _____ [ghi tên dự án, dự toán mua sắm] từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt] và báo cáo về kết quả thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN**1. Căn cứ pháp lý**

- Căn cứ _____ [Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ _____ [căn cứ quy mô, tính chất, yêu cầu của dự án mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ _____ [văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định].

2. Thông tin cơ bản**2.1. Đối với dự án, phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:**

- Tên dự án

- Tổng mức đầu tư²;

¹ Được xác định căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu.

² Đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì thay bằng “dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư”

- Chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư;

- Nguồn vốn;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Địa điểm, quy mô dự án;
- Các thông tin khác (nếu có).

2.2. Đối với dự toán mua sắm, phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự toán mua sắm như sau:

- Chủ đầu tư;
- Giá trị dự toán mua sắm;
- Năm ngân sách, năm tài chính của dự toán mua sắm.

3. Tóm tắt nội dung văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Đơn vị thẩm định tóm tắt các nội dung theo tờ trình của đơn vị trình, cụ thể như sau:

- a) Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện: ___ [ghi giá trị];
- b) Tổng giá trị phần công việc chưa thực hiện mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: ___ [ghi giá trị];
- c) Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: ___ [ghi giá trị];
- d) Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): ___ [ghi giá trị];
- đ) Tổng giá trị các phần công việc: ___ [bằng tổng các giá trị tại điểm a, b, c và d Mục này];
- e) Tổng mức đầu tư của dự án, dự toán mua sắm hoặc dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư: ___ [ghi giá trị].

4. Tổ chức thẩm định:

a) Đơn vị thẩm định

Đơn vị thẩm định là: ___ [ghi rõ tên đơn vị, phòng, ban thực hiện thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ được phân công hoặc tên đơn vị tư vấn đấu thầu được thuê theo hợp đồng].

b) Cách thức làm việc

Phần này nêu rõ cách thức làm việc của đơn vị thẩm định là theo nhóm hoặc độc lập trong quá trình thẩm định và cách thức thẩm định khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại.

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo **Bảng số 1** dưới đây:

Bảng số 1

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Có	Không có
	(1)	(2)	(3)
I	Đối với dự án		
1	<i>Quyết định phê duyệt dự án và các tài liệu có liên quan. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án là quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư.</i>		
2	<i>Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có)</i>		
3	<i>Tài liệu về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công</i>		
4	<i>Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án đối với các dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 của Luật Đấu thầu</i>		

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Có	Không có
	(1)	(2)	(3)
5	<i>Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, trừ trường hợp đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu</i>		
6	<i>Văn bản pháp lý có liên quan</i>		
II	Đối với dự toán mua sắm		
1	<i>Tài liệu về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (nếu có)</i>		
2	<i>Văn bản pháp lý có liên quan</i>		

Ghi chú:

- Cột (1) ghi rõ tên, số, ngày, thẩm quyền ban hành và trích yếu của văn bản.
- Cột (2) đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản tại cột (1) mà đơn vị thẩm định nhận được.
- Cột (3) đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản tại cột (1) mà đơn vị thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).

b) Ý kiến thẩm định về căn cứ pháp lý: ___ [*căn cứ các tài liệu chủ đầu tư trình và kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 1**, đơn vị thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết (nếu có)*].

2. Phân chia dự án thành các gói thầu:

[*Đơn vị thẩm định kiểm tra và có ý kiến nhận xét về việc phân chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện, tính đồng bộ của dự án và quy mô gói thầu hợp lý.*]

3. Nội dung tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Phần công việc không thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Phần công việc đã thực hiện: ___ [đơn vị thẩm định kiểm tra và có ý kiến về sự phù hợp giữa phần công việc đã thực hiện với kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt trước đây];

- Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: ___ [đơn vị thẩm định kiểm tra và có ý kiến đối với phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu];

- Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): ___ [đơn vị thẩm định kiểm tra và có ý kiến đối với phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu].

b) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Đơn vị thẩm định kiểm tra và có ý kiến về kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các nội dung theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH NỘI DUNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU			
STT	Nội dung thẩm định	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
	(1)	(2)	(3)
1	Tên gói thầu, bao gồm cả nội dung công việc chính của gói thầu		
2	Giá gói thầu		
3	Nguồn vốn		
4	Hình thức lựa chọn nhà thầu		
5	Phương thức lựa chọn nhà thầu		
6	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu		
7	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu		

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH NỘI DUNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU			
STT	Nội dung thẩm định	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
	(1)	(2)	(3)
8	Loại hợp đồng		
9	Thời gian thực hiện gói thầu		
10	Tùy chọn mua thêm		
11	Giám sát hoạt động đấu thầu		

Ghi chú:

- *Cột số (2): đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung tại cột số (1) nếu kết quả kiểm tra về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu của đơn vị thẩm định là tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan; phù hợp với yêu cầu của dự án, dự toán mua sắm.*

- *Cột số (3): đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung tại cột số (1) nếu kết quả kiểm tra về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu của đơn vị thẩm định là không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan hoặc không phù hợp với yêu cầu của dự án, dự toán mua sắm. Đối với trường hợp này phải nêu rõ lý do không tuân thủ hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật liên quan hoặc không phù hợp với dự án, dự toán mua sắm kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, tính chất, yêu cầu của gói thầu.*

- *Ý kiến thẩm định về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu: ___ [căn cứ tài liệu do tổ chức có trách nhiệm trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 2**, đơn vị thẩm định đưa ra những ý kiến thẩm định về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu căn cứ vào quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan, yêu cầu của dự án, dự toán mua sắm và những lưu ý cần thiết khác (nếu có).*

Đối với nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu được đánh giá là không tuân thủ hoặc không phù hợp hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện sẽ được thuyết minh tại phần này lý do và cách thức cần thực hiện để bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu. Những nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp cần được nêu cụ thể].

c) Ý kiến thẩm định về tổng giá trị của các phần công việc: ___ [*kiểm tra tổng giá trị của phần công việc đã thực hiện, phần công việc chưa thực hiện mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu, phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có) và giá trị các gói thầu đã được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mà chưa ký hợp đồng không được vượt tổng mức đầu tư, dự toán mua sắm hoặc dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đồng thời nêu những nội dung cần chỉnh sửa cho phù hợp].*

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Trên cơ sở tổng hợp kết quả thẩm định theo từng nội dung nêu trên, đơn vị thẩm định đưa ra nhận xét chung về kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trong phần này cần đưa ra ý kiến thống nhất hay không thống nhất với đề nghị của chủ đầu tư về kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

Phần này nêu rõ ý kiến bảo lưu của thành viên thẩm định trong quá trình thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, đơn vị thẩm định có ý kiến đối với việc người có thẩm quyền cử cá nhân, đơn vị thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu.

2. Kiến nghị

a) *Trường hợp nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan và đáp ứng yêu cầu thì đơn vị thẩm định đề nghị người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo nội dung dưới đây:*

Trên cơ sở tờ trình của ___ [chủ đầu tư] về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định, phân tích như trên, ___ [đơn vị thẩm định] đề nghị ___ [người có thẩm quyền]:

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm___ [*ghi tên dự án, dự toán mua sắm*].

- Cử cá nhân, đơn vị thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu đối với gói thầu:___ [*ghi tên gói thầu*] trong nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu để bảo đảm việc thực hiện tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu (nếu có).

b) Trường hợp đơn vị thẩm định không thống nhất với đề nghị của đơn vị trình thì cần đề xuất biện pháp giải quyết để trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị trình;
- Lưu VT.

**[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH]**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

DANH MỤC TÀI LIỆU*(Kèm theo Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu)*

STT	Nội dung	Ghi chú
1	<i>Văn bản trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu</i>	<i>Bản chính/Bản chụp</i>
2	<i>Văn bản của đơn vị thẩm định đề nghị đơn vị trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu bổ sung tài liệu, giải trình (nếu có)</i>	<i>Bản chính/Bản chụp</i>
3	<i>Văn bản giải trình, bổ sung tài liệu của đơn vị trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)</i>	<i>Bản chính/Bản chụp</i>
4	<i>Ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có)</i>	<i>Bản chính/Bản chụp</i>
5	<i>Biên bản họp thẩm định của đơn vị thẩm định (nếu có)</i>	<i>Bản chính/Bản chụp</i>
6	<i>Ý kiến bảo lưu của cá nhân thuộc đơn vị thẩm định (nếu có)</i>	<i>Bản chính/Bản chụp</i>
7	<i>Danh sách các thành viên tham gia đơn vị thẩm định và phân công công việc giữa các thành viên (nếu có); Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu¹ (trừ trường hợp thành viên không phải có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP); Chứng chỉ liên quan khác (nếu có).</i>	<i>Bản chính/bản chụp</i>
8	<i>Các tài liệu có liên quan khác.</i>	

¹ Nội dung chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn đấu thầu thực hiện theo Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/3/2024 quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

Mẫu số 02C. Mẫu Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu**[CƠ QUAN CỦA NGƯỜI
PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH
LỰA CHỌN NHÀ THẦU]****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: _____, ngày _____ tháng _____ năm _____

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
dự án, dự toán mua sắm: _____ [ghi tên dự án, dự toán mua sắm]**_____**[NGƯỜI PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU]¹**

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ _____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

Căn cứ báo cáo thẩm định ngày _____ [ghi ngày, tháng, năm] của _____ [đơn vị thẩm định] về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm _____ [ghi tên dự án, dự toán mua sắm];

Theo đề nghị của _____ [đơn vị trình] tại tờ trình số _____ [ghi số hiệu tờ trình] ngày _____ [ghi ngày văn bản] về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm _____ [ghi tên dự án, dự toán mua sắm],

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm: _____ [ghi tên dự án, dự toán mua sắm] với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

¹ Được xác định căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Đấu thầu mà thuộc hạn mức chỉ định thầu quy định tại điểm m khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu, chủ đầu tư (hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư) phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu này, bao gồm hình thức chỉ định thầu theo quy trình rút gọn.

Điều 2. *[Chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao trách nhiệm lựa chọn nhà thầu]* chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

[Cá nhân, đơn vị giám sát hoạt động đấu thầu] chịu trách nhiệm tổ chức giám sát hoạt động đấu thầu được giao theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *[Người đứng đầu cơ quan chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao trách nhiệm lựa chọn nhà thầu]* chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT.

**[NGƯỜI PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH
LỰA CHỌN NHÀ THẦU]**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Phụ lục**KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU****DỰ ÁN, DỰ TOÁN MUA SẮM:** __ [ghi tên dự án, dự toán mua sắm]

(Kèm theo Quyết định số __ ngày __ tháng __ năm __ của __)

Stt	Tên chủ đầu tư ¹	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1													
2													
Tổng giá gói thầu													

¹ Đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu thực hiện trước khi phê duyệt dự án chưa xác định được chủ đầu tư thì thay bằng “Tên đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án”.

(Xem tiếp Công báo số 621 + 622)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng